

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trương Phạm Huyền Châu

**THỦ TỤC PHIÊN TÒA PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI
TP. HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trương Phạm Huyền Châu

**THỦ TỤC PHIÊN TÒA PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI
TP. HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. TRẦN VĂN ĐỘ

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong Luận văn là trung thực và tôi xin chịu trách nhiệm về tất cả những số liệu, kết quả nghiên cứu đó. Luận văn này chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả Luận văn

Trương Phạm Huyền Châu

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC PHIÊN TÒA PHÚC THẨM HÌNH SỰ	6
1.1. Những vấn đề lý luận về phiên tòa phúc thẩm hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam.	6
1.2. Pháp luật tố tụng Việt Nam về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự.	25
1.3. Các quy định về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự một số nước trên thế giới.	40
Chương 2: THỰC TIỄN TIẾN HÀNH PHIÊN TÒA PHÚC THẨM HÌNH SỰ TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	46
2.1. Tình hình xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	46
2.2. Thực tiễn tiến hành các thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.	47
2.3. Những bất cập, hạn chế trong thực tiễn tiến hành thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự	58
Chương 3: YÊU CẦU VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHIÊN TÒA PHÚC THẨM HÌNH SỰ	65
3.1. Yêu cầu và các quan điểm nâng cao chất lượng phiên tòa phúc thẩm hình sự..	65
3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng phiên tòa phúc thẩm hình sự.....	70
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HĐXX	: Hội đồng xét xử
HTND	: Hội thẩm nhân dân
TTHS	: Tổ tụng hình sự
TTRG	: Thủ tục rút gọn
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
BLHS	: Bộ luật hình sự
VKS	: Viện kiểm sát
KSV	: Kiểm sát viên
CTPT	: Chủ tọa phiên tòa
TAND	: Tòa án nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. <i>Thống kê tổng số vụ án hình sự đã xét xử phúc thẩm tại Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến 2017</i>	46
--	----

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở nước ta hiện nay, vấn đề kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước là một yêu cầu khách quan. Đặc biệt, trước đòi hỏi của xã hội đối với các cơ quan tư pháp nói chung và Tòa án nói riêng, xu hướng lợi ích cá nhân được đề cao, tư tưởng chống làm oan người vô tội được chú trọng. Tòa án phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, đồng thời là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm. Do đó, ngày 02/01/2002, Bộ chính trị đã ban hành nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp thời gian tới là “...*Khi xét xử, các Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nguyên đơn, bị đơn...*”. Như vậy, vấn đề trọng tâm trong hoạt động cải cách tư pháp là khi xét xử Tòa án chỉ có quyền phán quyết khi đã xem xét đầy đủ, công bằng và khách quan kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trong toàn bộ quá trình tố tụng, phiên tòa xét xử là giai đoạn tố tụng quan trọng thể hiện tập trung nhất và rõ nét nhất bản chất hoạt động xét xử của Tòa án. Vì thế, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã nhấn mạnh “*Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, vai trò, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng đảm bảo tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*”. Trong tố tụng hình sự, tòa án xét xử hai cấp: xét xử sơ thẩm (cấp xét xử thứ nhất), và xét xử phúc thẩm (cấp xét xử thứ hai). Xét xử sơ thẩm là xét xử lần đầu vụ án hình sự (sau khi có cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát hoặc sau khi Tòa án cấp

phúc thẩm, Tòa án cấp giám đốc thẩm, tái thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại). “Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị” (Điều 330 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015).

Xét xử phúc thẩm có vị trí rất quan trọng, bởi vì thông qua xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không chỉ xét lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án bị kháng cáo hoặc kháng nghị, mà Tòa án cấp phúc thẩm còn có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác. Thứ nhất là kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị (đã có hiệu lực pháp luật) để có quyết định tương ứng. Thứ hai là hướng dẫn Tòa án cấp dưới áp dụng thống nhất pháp luật.

Thực tiễn xét xử phúc thẩm trong thời gian qua cho thấy các phiên tòa phúc thẩm hình sự chưa đạt được các mục đích tố tụng đã đề ra. Hầu hết, tại các phiên tòa phúc thẩm được tiến hành với thủ tục tố tụng sơ xài, qua loa, đại khái, không đảm bảo các quyền và lợi ích của những người tham gia tố tụng. Nguyên nhân của tình hình này ngoài những nguyên nhân chủ quan, còn có những nguyên nhân khách quan như quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự chưa cụ thể; những vấn đề lý luận về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự chưa được nghiên cứu làm rõ.

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả xét xử phúc thẩm thì việc tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lý luận, những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và thực tiễn thi hành các quy định này về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự là hết sức cấp thiết.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên mà tác giả chọn đề tài “Thủ tục phiên tòa phúc thẩm vụ án hình sự theo bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn Tòa án cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh” làm đề tài luận văn Thạc sỹ luật học tại Học viện Khoa học xã hội Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thủ tục phiên tòa hình sự phúc thẩm là đề tài thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học pháp lý luật hình sự, các nhà nghiên cứu lý luận, các luật gia hình sự và các cán bộ thực tiễn trong giai đoạn hiện nay; do đó cũng đã có những công trình nghiên cứu khoa học, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ hoặc các bài báo nghiên cứu trực tiếp và gián tiếp về đề tài này. Trong số đó có thể kể đến:

Giáo trình tố tụng luật hình sự - Trường đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà xuất bản đại học Quốc gia Hà Nội, 2001. TS.GVC Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên)

Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền, nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004. GS.TSKH Lê Cẩm, TS.GVC Nguyễn Ngọc Chí (đồng chủ biên).

“Thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam” của Đinh Văn Quế, nhà xuất bản Chính trị quốc gia năm 1998;

“Thủ tục xét xử phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam” của Nguyễn Gia Cương, luận văn thạc sĩ năm 1998;

“Phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam” của Phan Thị Thanh Mai, luận văn thạc sĩ năm 1998;

“Thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự (trên cơ sở số liệu tại địa bàn tỉnh Phú Thọ)” của Phùng Thị Thu Hương, luận văn thạc sĩ năm 2014;

“Bản chất tranh tụng tại phiên tòa” của PGS.TS Trần Văn Độ, tạp chí KHPL số 04-2004;

“Những vấn đề tồn tại trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và những kiến nghị nhằm hoàn thiện” của TS. Dương Ngọc Ngu, tạp chí TAND số 11-2000, số 01-2001;

“Hoàn thiện quy định pháp luật về thủ tục phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự” của TS. Phan Thị Thanh Mai, tạp chí luật học số 04-2003;

Cần sửa đổi, bổ sung một số thủ tục tố tụng tại phiên tòa hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp của Ths. Nguyễn Văn Trọng, tạp chí TAND số 06/2010.

Các công trình nghiên cứu đa phần tập trung vào vấn đề lớn, tổng quát cả giai đoạn xét xử phúc thẩm mà chưa có công trình nghiên cứu một cách toàn diện,

đầy đủ và có tính hệ thống về thủ tục phiên tòa hình sự phúc thẩm để tìm ra những nguyên nhân dẫn đến hạn chế và phương hướng hoàn thiện đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.

3.1. Mục đích nghiên cứu.

Mục đích nghiên cứu của luận văn là phân tích để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, những quy định của pháp luật hiện hành về thủ tục phiên tòa phúc thẩm, đánh giá thực trạng thi hành của những quy định này, từ đó nêu lên những yêu cầu và các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng xét xử phúc thẩm.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.

Luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, luận văn phân tích những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Thứ hai, phân tích thực trạng thi hành thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh, nhằm tìm ra những bất cập, hạn chế cũng như những nguyên nhân dẫn đến những bất cập và hạn chế đó.

Thứ ba, nêu lên những yêu cầu và các giải pháp nâng cao chất lượng xét xử phúc thẩm.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các quy định của bộ luật tố tụng hình sự 2015 về thủ tục phiên tòa phúc thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn Tòa án cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong phạm vi là một luận văn thạc sĩ luật học thuộc chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề chung mang tính lý luận, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 về thủ tục phiên tòa phúc thẩm vụ án hình sự; thực tiễn áp dụng những quy định này tại Tòa án cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh; những tồn tại bất cập, hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó đề nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về thủ tục phiên tòa phúc thẩm vụ án hình sự phù hợp với thực tiễn.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về Nhà nước và pháp luật làm nền tảng và kim chỉ nam cho việc nghiên cứu đề tài.

Để làm sáng tỏ những nội dung trong đề tài, ngoài các phương pháp nghiên cứu truyền thống như phương pháp duy vật biện chứng, so sánh, quy nạp, phân tích và tổng hợp thì tác giả còn sử dụng thêm các phương pháp tổng kết kinh nghiệm, phương pháp thống kê.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu cũng như đề xuất trong luận văn góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về thủ tục phiên tòa phúc thẩm các vụ án hình sự cho những người làm công tác thực tiễn xét xử, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự phúc thẩm.

Ngoài ra, luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo hữu ích cho những ai quan tâm, nghiên cứu pháp luật nói chung, pháp luật tố tụng hình sự nói riêng mà đặc biệt là những quy định về phiên tòa trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam.

7. Kết cấu của luận văn

Bố cục đề tài ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo thì bao gồm ba chương sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Chương 2: Thực tiễn tiến hành thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Yêu cầu và các giải pháp nâng cao chất lượng phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC PHIÊN TÒA PHÚC THẨM HÌNH SỰ

1.1. Những vấn đề lý luận về phiên tòa phúc thẩm hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam.

1.1.1. Lý luận về phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Theo từ điển Luật học, khái niệm phiên tòa được hiểu là “*hình thức hoạt động xét xử của Tòa án*” [1, tr.620]. Trong xét xử, phiên tòa là giai đoạn đặc biệt quan trọng và mang tính quyết định trong giải quyết vụ án, thực hiện các nhiệm vụ, mục đích tố tụng đặt ra [7, tr.17]. Với vai trò quyết định đó của phiên tòa nên pháp luật tố tụng hình sự quy định phiên tòa phải được diễn ra công khai, trực tiếp, xét xử liên tục bằng lời nói giữa các chủ thể tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng. Bởi vì, Tòa án thông qua phiên tòa, bằng thủ tục trực tiếp, công khai, qua nghe ý kiến và đề xuất của các bên tham gia tố tụng để tiến hành xác định sự thật khách quan của vụ án; phiên tòa đảm bảo sự tham gia của những người tham gia tố tụng; phiên tòa là nơi tốt nhất thực hiện việc áp dụng đúng đắn pháp luật cũng như việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

Như vậy, phiên tòa là giai đoạn trung tâm thể hiện đầy đủ nhất bản chất quá trình tố tụng nói chung và xét xử nói riêng [7, tr.17]. Phiên tòa bao gồm sự tham gia của những chủ thể tố tụng với địa vị pháp lý được xác định. Bằng các trình tự thủ tục tại phiên tòa để tiến hành xác định sự thật vụ án và ra các phán quyết giải quyết vụ án một cách đúng đắn, đầy đủ, khách quan và đúng pháp luật.

Mỗi quốc gia khác nhau có các thủ tục tố tụng khác nhau mang yếu tố đặc trưng cũng như truyền thống của mình. Tuy nhiên trong xã hội dân chủ, tiến bộ hiện nay, nguyên tắc hai cấp xét xử được thực hiện ở tuyệt đại đa số các nhà nước trên thế giới. Theo nguyên tắc này, bản án, quyết định sơ thẩm bị các bên tham gia tố tụng có quyền và lợi ích liên quan kháng cáo, hoặc bị Viện kiểm sát kháng nghị trong thời hạn luật định thì phải được xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Vì vậy, trong tố tụng nói đến phiên tòa tức là nói đến phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm [7, tr.17-18].

1.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm phiên tòa phúc thẩm hình sự.

* Khái niệm phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Bản chất của xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

Phiên tòa phúc thẩm hình sự là hình thức hoạt động xét xử của Tòa án khi xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

* Đặc điểm phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Đặc điểm của phiên tòa phúc thẩm hình sự được phản ánh qua các vấn đề sau: Đối tượng của phiên tòa phúc thẩm hình sự, thẩm quyền xét xử phúc thẩm, chủ thể tiến hành tố tụng, nhiệm vụ của xét xử phúc thẩm và phạm vi xét xử phúc thẩm.

Thứ nhất, đối tượng của phiên tòa xét xử phúc thẩm

Đối tượng xét xử tại phiên tòa phúc thẩm là những vụ án mà bản án hoặc quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị nhưng trong một số trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm có thể xem xét các phần khác của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị nếu xét thấy cần thiết.

Thứ hai, Thẩm quyền xét xử phúc thẩm.

Tòa án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm theo quy định của BLTTHS 2015 (Điều 344) là Tòa án cấp trên trực tiếp của Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án đó. Chẳng hạn như, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án quân sự cấp quân khu có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án quân sự cấp khu vực bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án quân sự trung ương có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án quân sự cấp quân khu bị kháng cáo, kháng nghị [14, tr. 157-158]. Việc quy định rõ về thẩm quyền xét xử phúc thẩm giúp các Tòa án nhận thức và thực hiện đúng đắn quyền hạn của mình.

Thứ ba, chủ thể tố tụng tại phiên tòa: Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm ba thẩm phán; Thư ký Tòa án; Viện kiểm sát cấp phúc thẩm; Những người được triệu tập tham gia phiên tòa là những người kháng cáo, người bị kháng cáo, kháng nghị và những người khác được triệu tập khi cần thiết.

Thứ tư, nhiệm vụ của phiên tòa phúc thẩm:

Nhiệm vụ của phiên tòa xét xử phúc thẩm hình sự là xét xử lại vụ án về mặt nội dung bị kháng cáo, kháng nghị. Phiên tòa phúc thẩm có nhiệm vụ xem xét, đánh giá lại sự thật khách quan của vụ án trên cơ sở tất cả những chứng cứ cũ và chứng cứ mới được bổ sung trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Trong trường hợp cần thiết, việc xét xử phúc thẩm có thể tiến hành đối với phần vụ án ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị.

Ngoài việc xét xử vụ án về mặt nội dung giai đoạn phúc thẩm còn thực hiện chức năng giám đốc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới, kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Tính hợp pháp của bản án, quyết định thể hiện ở chỗ bản án, quyết định đó phải phù hợp với những quyết định của pháp luật cả về hình thức và nội dung. Tính có căn cứ của bản án, quyết định thể hiện ở chỗ những kết luận trong bản án, quyết định phù hợp với những sự kiện thực tế của vụ án từ những chứng cứ đã được xem xét, đánh giá công khai tại tòa.

Thứ năm, cơ sở tiến hành phiên tòa hình sự phúc thẩm: là có kháng nghị hoặc kháng cáo hợp pháp. Bên cạnh phát sinh từ căn cứ mang tính chất quyền lực nhà nước là quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát còn được phát sinh bởi đơn kháng cáo của bị cáo và những đương sự khác.

Thứ sáu, phạm vi xét xử của phiên tòa phúc thẩm: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 330 BLTTHS năm 2015 về tính chất của xét xử phúc thẩm thì các quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị bao gồm: Quyết định tạm đình chỉ; Quyết định đình chỉ vụ án; Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo và các Quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm theo quy định Bộ luật này [14, tr.152].

Việc xét xử phúc thẩm không chỉ là xét lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm mà trên cơ sở, tài liệu đã có trong vụ án xét xử lại

nội dung bản án, không chỉ trong phạm vi những phần bản án, quyết định bị kháng cáo mà có thể xem xét cả phần bản án, quyết định khác không bị kháng cáo nhưng liên quan đến việc giải quyết tổng thể vụ án mà không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Theo quy định của bộ luật TTHS thì chỉ những bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực mới bị kháng cáo. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm cũng có thể xem xét những phần khác của bản án hoặc quyết định của Tòa án sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo. Khi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm có thể sử dụng chứng cứ mới do đương sự cung cấp hoặc do Tòa án thu thập thêm. Tất cả chứng cứ cũ và chứng cứ mới đều phải được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Tuy nhiên, cần phải chú ý rằng việc kháng cáo phải nhằm vào bản án, quyết định sơ thẩm. Nếu có kháng cáo lại về những vấn đề chưa được xét xử ở cấp sơ thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm cũng không có trách nhiệm phải giải quyết vì không thuộc phạm vi phúc thẩm. Phạm vi xét xử phúc thẩm có ý nghĩa rất quan trọng trong việc Tòa án cấp phúc thẩm ra bản án, phạm vi xét xử quyết định giới hạn bản án phúc thẩm. Có thể nói, Tòa án cấp phúc thẩm có thể xem xét toàn bộ vụ án mà không bị hạn chế bởi nội dung kháng cáo, kháng nghị với điều kiện do luật định.

Như vậy, phiên tòa phúc thẩm hình sự là hình thức hoạt động xét xử của Tòa án khi xét xử phúc thẩm vụ án hình sự. Phiên tòa bao gồm sự tham gia của những chủ thể tố tụng với địa vị pháp lý được xác định. Bằng các trình tự thủ tục tại phiên tòa phúc thẩm hình sự để tiến hành xét lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm và ra các phán quyết giải quyết vụ án hình sự một cách đúng đắn, đầy đủ, khách quan và đúng pháp luật.

1.1.1.2. Các chủ thể tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Chủ thể tiến hành tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự bao gồm: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, Viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm ba Thẩm phán được quy định tại Khoản 2, Điều 254 BLTTHS 2015.

Các thành viên Hội đồng xét xử phải xét xử vụ án từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc phiên tòa. Trường hợp có Thẩm phán không tiếp tục tham gia xét xử vụ án

nhưng có Thẩm phán dự khuyết tham gia phiên tòa từ đầu thì những người này được thay thế làm thành viên Hội đồng xét xử. Trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không tiếp tục tham gia xét xử được thì Thẩm phán là thành viên Hội đồng xét xử làm chủ tọa phiên tòa và Thẩm phán dự khuyết được bổ sung làm thành viên Hội đồng xét xử. Trường hợp không có Thẩm phán dự khuyết hoặc phải thay đổi chủ tọa phiên tòa mà không có Thẩm phán để thay thế thì phải hoãn phiên tòa.

Thư ký Tòa án

Theo quy định của pháp luật tố tụng, trong hệ thống các chức danh tư pháp của các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Cơ quan điều tra và Thi hành án thì chỉ Tòa án mới có chức danh Thư ký với tư cách là một trong các chủ thể tiến hành tố tụng độc lập. Việc quy định chức danh Thư ký này xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ và chức năng đặc thù của Tòa án. Sự tham gia của Thư ký Tòa án vào quá trình giải quyết vụ án là một trong các yếu tố, điều kiện không thể thiếu trong hoạt động xét xử của Tòa án. Do đó, Thư ký Tòa án cũng được pháp luật tố tụng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cụ thể tại Khoản 1 Điều 47 BLTTHS 2015 như sau: Kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án triệu tập, nếu có người vắng thì phải nêu lý do; Phổ biến nội quy phiên tòa; Báo cáo với HĐXX danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa; Ghi biên bản phiên tòa; Tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án.

Như vậy, với tư cách là một trong các chủ thể tiến hành tố tụng độc lập, Thư ký Tòa án có những vai trò nhất định góp phần đảm bảo cho hoạt động xét xử của Tòa án được công minh, đúng pháp luật, bảo đảm công bằng xã hội.

Kiểm sát viên

VKS cùng cấp bắt buộc phải cử KSV tham gia phiên tòa phúc thẩm; nếu KSV vắng mặt, bị thay đổi mà không có KSV dự khuyết để thay thế sẽ dẫn đến việc HĐXX phải hoãn phiên tòa. Khi tham gia các hoạt động tố tụng hình sự, KSV thực hiện hai chức năng là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Quyền hạn của KSV được quy định tại các Điều 42 BLTTHS 2015; Điều 13 và 14 Pháp lệnh về kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân. Trong đó, quyền hạn của KSV tham gia xét xử phúc thẩm bao gồm: tham gia phiên tòa; đọc cáo trạng, quyết định

của VKS liên quan đến việc giải quyết vụ án; hỏi, đưa ra các chứng cứ và thực hiện việc luận tội; phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa; Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án, của những người tham gia tố tụng và kiểm sát các bản án, quyết định của Tòa án; kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

Chủ thể tham gia tố tụng trong phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Trong các chế định của Bộ luật tố tụng hình sự thì người tham gia tố tụng được quy định trong chương IV và là một chế định quan trọng.

Theo quy định đó, người tham gia tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm bao gồm: người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, người bào chữa, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Tuy nhiên, giai đoạn tại phiên tòa xét xử phúc thẩm căn cứ vào kháng cáo, kháng nghị, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa triệu tập những người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị đến phiên tòa. Như vậy, đây là đặc điểm riêng của phiên tòa phúc thẩm không cần phải triệu tập tất cả những người tham gia phiên tòa mà chỉ những người liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị mới được Thẩm phán triệu tập tham gia phiên tòa xét xử.

Người kháng cáo

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 331 BLTTHS 2015 người có quyền kháng cáo, kháng nghị bao gồm: Bị cáo, bị hại, người đại diện của họ; Người bào chữa có quyền kháng cáo để bảo vệ lợi ích của người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà mình bào chữa; Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người đại diện của họ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện của họ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ; Người bảo vệ quyền và lợi ích của người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mình bảo vệ; Người được Tòa án tuyên không có tội có quyền kháng cáo về các căn cứ mà bản án sơ thẩm đã xác định là họ không có tội [14, tr.153].

Bị cáo và người đại diện.

Bị cáo là đối tượng của việc buộc tội trong hình sự, họ có thể phải chịu hình phạt và bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra bằng một bản án, quyết định của Tòa án hoặc có thể được tuyên vô tội và được trả tự do ngay. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, họ có quyền kháng cáo. Quyền kháng cáo được pháp luật tổ tụng quy định cho chính bản thân bị cáo. Người đại diện hợp pháp của bị cáo trong trường hợp bị cáo là người dưới 18 tuổi hoặc là người có nhược điểm về thể chất, tâm thần có thể là cha, mẹ, anh chị em ruột, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 05/2005/ NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 thì: chỉ người đại diện theo pháp luật của bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm [10, tr.1].

Như vậy, bị cáo và người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo đối với mọi bản án, quyết định sơ thẩm. Nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì họ còn cả quyền tự mình kháng cáo, đồng thời, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của họ có quyền kháng cáo trong các trường hợp này để bảo vệ quyền lợi cho bị cáo mà không cần có sự đồng ý hay yêu cầu của bị cáo, đây là quyền kháng cáo độc lập, không phụ thuộc vào yêu cầu của bị cáo. Bị cáo và người đại diện hợp pháp có quyền kháng cáo đối với toàn bộ bản án: về tội danh, điều khoản BLHS, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt chính và hình phạt bổ sung, về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí, bồi thường thiệt hại... và các quyết định sơ thẩm: quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án và quyết định áp dụng biện pháp chữa bệnh.

Để khôi phục hoàn toàn danh dự cho mình, người được Tòa án tuyên là không có tội có quyền kháng cáo phần lý do của bản án sơ thẩm tuyên họ không có tội.

Người bào chữa

Người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành

tổ tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa. Quyền và nghĩa vụ của người bào chữa được quy định tại Điều 73 BLTTHS 2015.

Để đảm bảo việc bảo vệ quyền lợi cho bị cáo là người bị hạn chế về năng lực hành vi tố tụng, bộ luật TTHS 2015 quy định người bào chữa có quyền kháng cáo để bảo vệ lợi ích của bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần. Đây là quyền kháng cáo độc lập của người bào chữa, không phụ thuộc bị cáo có đồng ý hay không. Việc người bào chữa kháng cáo không loại trừ quyền tự bào chữa của bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là người được bị hại, đương sự nhờ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định sơ thẩm liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ. Đây cũng là quyền độc lập của người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, không phụ thuộc đương sự có đồng ý hay không.

Người bị hại và người đại diện hợp pháp của họ

Quyền kháng cáo của người bị hại và người đại diện hợp pháp của họ được quy định tại Điều 331 BL TTHS 2015 “người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo bản án hoặc quyết định sơ thẩm” [14, Điều 331, tr. 153]. Như vậy, nếu người bị hại là người đã thành niên và không có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì họ phải tự mình thực hiện quyền kháng cáo. Nếu người bị hại là người dưới 18 tuổi, có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo bản án hoặc quyết định sơ thẩm.

Người bị hại và người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần hình phạt cũng như bồi thường thiệt hại. Riêng về bồi thường thiệt hại, Nghị quyết số 05/2005/NQ - HĐTP có hướng dẫn “Trong trường hợp người bị hại chỉ kháng cáo phần bản án hoặc quyết định sơ thẩm có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại thì họ có thể ủy quyền cho người khác. Người được ủy quyền có các quyền và nghĩa vụ như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự” [10, tr.1].

Trong trường hợp người bị hại chết mà có từ hai người trở lên đều là người đại diện hợp pháp của người bị hại (ví dụ: cha, mẹ, vợ và con thành niên của người bị hại) thì phân biệt như sau:

Trường hợp trong quá trình điều tra, truy tố hoặc tại phiên tòa sơ thẩm những người này đã đồng ý cử một người trong số họ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của người bị hại thì sau khi xét xử sơ thẩm những người này vẫn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Việc kháng cáo có thể do từng người thực hiện hoặc có thể cử một người trong số họ thay mặt họ thực hiện.

Trường hợp trong quá trình điều tra, truy tố hoặc tại phiên tòa sơ thẩm, những người này chưa cử ai trong số họ thay mặt họ làm người đại diện hợp pháp của người bị hại, mà người đại diện hợp pháp của người bị hại chỉ do một hoặc một số người trong số họ tự nhận, nếu sau khi xét xử sơ thẩm có người trong số những người chưa cử người đại diện có đơn với nội dung khiếu nại bản án sơ thẩm hoặc yêu cầu xét xử phúc thẩm mà nội dung đơn của họ phù hợp với nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp đã tham gia tố tụng thì Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận để xét xử theo thủ tục chung. Nếu nội dung đơn của họ không phù hợp với nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp đã tham gia tố tụng hoặc người đại diện hợp pháp đã tham gia tố tụng không kháng cáo nhưng trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị thì khi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hoặc quyết định sơ thẩm về phần có liên quan mà họ có khiếu nại hoặc yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án, để điều tra lại hoặc xét xử sơ thẩm lại do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng (chưa đưa họ vào tham gia tố tụng khi quyền, lợi ích của họ xung đột với quyền và lợi ích của người đại diện hợp pháp đã tham gia tố tụng).

Người bị hại có quyền kháng cáo cả theo hướng tăng nặng hoặc giảm nhẹ đối với bản án sơ thẩm: về tội danh, điều khoản của BLHS, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt chính và hình phạt bổ sung, về bồi thường thiệt hại, về quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án...

Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ

Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại. Do nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự tham gia vụ án để giải quyết vấn đề dân sự phát sinh trong vụ án hình sự, vì vậy quyền kháng cáo của họ chỉ hạn chế trong phạm vi những phần bản án, quyết định liên quan đến việc bồi thường thiệt hại.

Nếu nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự là người dưới 18 tuổi hoặc có nhược điểm về thể chất, tâm thần thì người đại diện hợp pháp của họ cũng có quyền kháng cáo đối với bản án, quyết định sơ thẩm. Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 đã có quy định mới về việc kháng cáo đối với đương sự là người dưới 18 tuổi: đối với những người này, người bảo vệ quyền lợi cho họ có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, là người mà quyền lợi, nghĩa vụ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Họ có thể là người không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng phải xử lý theo pháp luật những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

1.1.1.3. Các nguyên tắc tiến hành phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Khi tiến hành phiên tòa phúc thẩm phải dựa trên những nguyên tắc nhất định. Các nguyên tắc này là những tư tưởng cơ bản chi đạo xuyên suốt toàn bộ hoạt động xét xử của tòa án nói chung và hoạt động xét xử của tòa án tại phiên tòa phúc thẩm nói riêng. Hệ thống các nguyên tắc được quy định tại chương II: “Những nguyên tắc cơ bản” của BLTTHS 2015, đó là: Nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa (Điều 7 BLTTHS 2015); Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân (Điều 8 BLTTHS 2015); Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật (Điều 9 BLTTHS 2015); Nguyên tắc bảo

đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự (Điều 16 BLTTHS 2015); Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng (Điều 21 BLTTHS 2015)....Các nguyên tắc này được áp dụng không chỉ đối với các phiên tòa xét xử mà còn áp dụng trong toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng. Việc áp dụng các nguyên tắc chung này là yêu cầu bắt buộc xuất phát từ bản chất của hoạt động xét xử của Tòa án nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức và bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Bên cạnh đó, phiên tòa hình sự phúc thẩm còn phải tuân theo các nguyên tắc đặc thù. Các nguyên tắc này áp dụng trong toàn bộ quá trình tố tụng tại tòa án. Bao gồm: Nguyên tắc suy đoán vô tội (Điều 13 BLTTHS 2015); Nguyên tắc xác định sự thật vụ án (Điều 15 BLTTHS 2015); Nguyên tắc tòa án xét xử tập thể (Điều 24 BLTTHS 2015); Nguyên tắc tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai (Điều 25 BLTTHS 2015); Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm (Điều 26 BLTTHS 2015). Sau đây tác giả xin phân tích ba nguyên tắc trong số các nguyên tắc chi phối hoạt động xét xử của phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Nguyên tắc suy đoán vô tội

Nguyên tắc “Suy đoán vô tội”: Để phù hợp với quy định của Hiến pháp 2013 về bảo đảm quyền được suy đoán vô tội của người bị buộc tội trên cơ sở Điều 13 BLTTHS 2015 đã chỉ rõ nguyên tắc này và bổ sung đầy đủ nội dung là: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền phải kết luận người bị buộc tội không có tội” [14, Điều 13, tr. 6].

Để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội, trên cơ sở đó truy cứu, áp dụng trách nhiệm hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh được người bị buộc tội là người thực hiện hành vi phạm tội nào đó được quy định trong BLHS. Nếu không chứng minh được một người đã thực hiện tội phạm thì không thể kết tội người đó. Chứng minh tội phạm là một quá trình diễn ra ở cả ba giai đoạn điều tra - truy tố - xét xử. Ba giai đoạn này độc lập nhưng lại có cơ chế giám sát, chế ước, bổ sung cho nhau nhằm bảo đảm việc kết tội được chính xác, không làm oan người không phạm tội.

Người bị buộc tội không có nghĩa vụ chứng minh sự vô tội của mình. Điều 15 BLTTHS năm 2015 quy định: “Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội” [14, Điều 15, tr. 6]. Người bị buộc tội được quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội.

Nguyên tắc suy đoán vô tội còn có tác dụng giảm bớt tình trạng kéo dài thời gian giải quyết vụ án do phải điều tra bổ sung theo yêu cầu của Viện kiểm sát hoặc Tòa án, nên hồ sơ vụ án phải trả đi trả lại nhiều lần, theo quy định tại Khoản 2, Điều 174; Điểm b, Khoản 1, Điều 240 và Điều 280 BLTTHS năm 2015.

Nguyên tắc suy đoán vô tội còn bảo vệ được quyền của người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Hoạt động tố tụng hình sự bao gồm hai nhiệm vụ: Bảo vệ xã hội chống lại hành vi xâm hại từ phía tội phạm và bảo vệ cá nhân người bị buộc tội chống lại sự xâm hại quyền con người từ phía công quyền. Suy đoán vô tội còn đem đến sự cân bằng trong hoạt động tố tụng hình sự giữa một bên là Nhà nước với bộ máy điều tra, truy tố, xét xử được hậu thuẫn bằng quyền lực Nhà nước với một bên yếu thế hơn là người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Như vậy, không chỉ là quyền của người bị buộc tội, nghĩa vụ của bên buộc tội, mà còn thể hiện giá trị của văn minh nhân

loại trong việc bảo vệ quyền con người, suy đoán vô tội còn phù hợp với quy luật của nhận thức trong tố tụng hình sự: Một người luôn vô tội khi Nhà nước không chỉ ra được những bằng chứng chống lại điều này và chứng minh được họ có tội.

Suy đoán vô tội là một nguyên tắc tiên bộ. Nguyên tắc này bảo vệ chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự và lợi ích của người bị truy cứu trách nhiệm hình sự là khi cơ quan tố tụng không chứng minh được hành vi phạm tội thì phải suy đoán theo hướng ngược lại. Ngoài ra, nguyên tắc suy đoán vô tội cũng đặt ra yêu cầu cao hơn cho những người tiến hành tố tụng trong việc chứng minh tội phạm.

Nguyên tắc suy đoán vô tội có quan hệ chặt chẽ với nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa. Bởi vì nếu đã bị coi là có tội ngay từ khi chưa xét xử thì việc thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội chỉ còn là hình thức. Đảm bảo quyền bào chữa là cơ sở quan trọng để bảo vệ quyền con người. Vì vậy, Hiến pháp năm 2013 cũng đã quy định rõ quyền tự bào chữa hoặc nhờ luật sư, người khác bào chữa của những người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử.

Nguyên tắc xác định sự thật vụ án.

Điều 15 BLTTHS năm 2015 quy định: “Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội” [14, Điều 15, tr. 6]. Nguyên tắc này có những nội dung như sau:

Thứ nhất, trong quá trình tiến hành tố tụng, các Cơ quan điều tra, VKS, Tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án. Các biện pháp hợp pháp đó là các biện pháp do Bộ luật TTHS 2015 quy định, bao gồm các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp điều tra thu thập chứng cứ và các biện pháp khác do pháp luật quy định. Việc thực hiện các biện pháp ngăn chặn này sẽ làm ảnh hưởng tới các quyền cơ bản của công dân do vậy, khi sử dụng các biện pháp đó, các

Cơ quan điều tra, VKS và Tòa án phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của pháp luật về việc áp dụng các biện pháp đó, không được sử dụng các biện pháp bất hợp pháp để tiến hành làm rõ vụ án.

Thứ hai, để xác định sự thật của vụ án, Cơ quan điều tra, VKS và Tòa án phải chứng minh một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ các vấn đề. Khách quan chính là việc xem xét vấn đề đúng với sự tồn tại của nó mà không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người. Do vậy, việc người tiến hành tố tụng suy diễn duy ý chí trong quá trình xác định sự thật là vi phạm nghiêm trọng tính chất khách quan của nguyên tắc này. Ngoài ra, việc xác định sự thật của vụ án nhất thiết phải coi trọng yếu tố toàn diện, không thể đánh giá vấn đề theo một phương diện nào đó. Muốn vậy, cần phải thu thập các nguồn thông tin, chứng cứ hay tiến hành các hoạt động khác một cách đầy đủ.

Thứ ba, nội dung của việc xác định sự thật chính là trả lời các câu hỏi như: có hành vi phạm tội xảy ra hay không; thời gian, địa điểm và các tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay do vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích hoặc động cơ phạm tội; những tình tiết tăng nặng, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo....

Thứ tư, các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm chứng minh tội phạm, xác định sự thật vụ án. Bởi vì các cơ quan tiến hành tố tụng được Nhà nước thành lập và giao quyền áp dụng các biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định mới có điều kiện để xác định sự thật khách quan của vụ án.

Thứ năm, như đã đề cập từ phần trên người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Người bị buộc tội được quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội.

Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo.

Tại khoản 5 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” [17, Điều 103, tr. 23]. Trên nền tảng nguyên tắc hiến định, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung nguyên tắc “Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” (Điều 26). Đây là quy định mới, căn cứ pháp lý quan

trọng để đảm bảo quyền con người, quyền công dân theo hiến định, thể hiện cụ thể ở các nội dung sau:

“Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.

Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa”[14, Điều 26, tr. 8].

Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm khi những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng phải được bình đẳng trước pháp luật, khi đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan vụ án. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho việc tranh tụng và phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để ra bản án, quyết định.

Như vậy, tranh tụng được coi là khâu đột phá trong hoạt động xét xử, chất lượng tranh tụng sẽ góp phần nâng cao chất lượng xét xử, chống oan sai và bảo vệ

các quyền con người cơ bản của người bị buộc tội. Đây là lần đầu tiên nguyên tắc tranh tụng được thể hiện trong BLTTHS, từ đó tranh tụng cũng đã được xuất hiện trong một loạt các quy định khác nhau của Bộ luật, với mục đích tăng cường tranh tụng trong tố tụng hình sự, nhằm bảo đảm quyền con người, chống oan sai, nhanh chóng xác định sự thật khách quan của vụ án.

1.1.1.4. Ý nghĩa của phiên tòa xét xử phúc thẩm hình sự.

Phiên tòa xét xử phúc thẩm hình sự là nhằm kiểm tra tính hợp pháp, tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị, bảo đảm quyền và lợi ích của công dân, tổ chức xã hội và Nhà nước.

Với tính chất là cấp xét xử thứ hai, vừa là một hình thức giám đốc thẩm của Tòa án cấp trên đối với việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. HĐXX phúc thẩm đồng thời thực hiện cả hai chức năng vừa xét lại vụ án về nội dung vừa xem xét lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm.

Một là xét xử về nội dung. Tòa án cấp phúc thẩm có nhiệm vụ xem xét, đánh giá sự thật khách quan của vụ án dựa trên toàn bộ những chứng cứ đã thu thập trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và chứng cứ mới được thu thập bổ sung trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. HĐXX phúc thẩm có quyền xét xử lại một phần hoặc toàn bộ nội dung vụ án tùy thuộc vào nội dung kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, theo quy định của pháp luật, Tòa án cấp phúc thẩm cũng có thể xem xét những nội dung khác ngoài phạm vi kháng cáo hoặc kháng nghị. Thông qua việc đánh giá chứng cứ và xem xét vụ án, HĐXX phúc thẩm có quyền hủy bản án phúc thẩm để điều tra lại trong các trường hợp như sau: Có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm; Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Hai là, thực hiện nhiệm vụ giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới. Thông qua đó phát hiện và sửa chữa những sai lầm của Tòa án cấp dưới. HĐXX có quyền hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại ở cấp sơ thẩm với HĐXX

mới trong các trường hợp: HĐXX sơ thẩm không đúng thành phần mà BLTTHS 2015 quy định; Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm; Người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội; Miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ; Bản án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp HĐXX phúc thẩm sửa bản án theo quy định Điều 357 BLTTHS 2015.

HĐXX phúc thẩm kiểm tra xem xét tính khách quan và tính hợp pháp của bản án hoặc quyết định sơ thẩm của bản án hoặc quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp dưới. Nếu bản án hoặc quyết định sơ thẩm có căn cứ và đúng pháp luật thì HĐXX có quyền không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án hoặc quyết định sơ thẩm.

Việc kiểm tra lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án hoặc quyết định sơ thẩm nhằm giúp cho tòa án cấp phúc thẩm có thể sửa chữa những sai lầm trong bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Ví dụ trong trường hợp có căn cứ xác định bản án hoặc quyết định sơ thẩm đã tuyên không đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo hoặc có tình tiết mới thì HĐXX phúc thẩm có quyền sửa bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Đảm bảo cho Tòa án xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng.

Trong trường hợp không có sự phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm thì HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án. HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án trong những trường hợp sau: Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; Tội phạm đã được đại xá; Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác.

1.1.2. Lý luận về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự.

1.1.2.1. Khái niệm thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Thủ tục phiên tòa phúc thẩm được tiến hành giống như phiên tòa sơ thẩm, cũng gồm có thủ tục bắt đầu phiên tòa; thủ tục tranh tụng tại phiên tòa; nghị án và tuyên án.

Thủ tục phiên tòa phúc thẩm được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Tuy nhiên, do khác nhau về nhiệm vụ, tính chất, phạm vi xét xử nên thủ tục phiên tòa phúc thẩm cũng có một số điểm khác so với thủ tục phiên tòa sơ thẩm. Xét từ góc độ nội dung, thủ tục phiên tòa phúc thẩm là một chế định bao gồm các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh giữa các chủ thể trong quá trình xét xử lại vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm. Xét ở góc độ hình thức, thủ tục phiên tòa phúc thẩm là hoạt động của HĐXX phúc thẩm, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án.

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự như sau:

Thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự là do BLTTHS quy định bao gồm các quy phạm pháp luật quy định về cách thức, trình tự tiến hành phiên tòa phúc thẩm, được thực hiện bởi những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng nhằm xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm khi bản án, quyết định sơ thẩm của vụ án đó bị kháng cáo, kháng nghị hợp pháp.

1.1.2.2. Các đặc điểm thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Đặc điểm trong thủ tục bắt đầu phiên tòa.

Điều 354 BLTTHS 2015 quy định thủ tục phiên tòa phúc thẩm: “Thủ tục bắt đầu phiên tòa và thủ tục tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm được tiến hành như phiên tòa sơ thẩm” [14, Điều 354, tr. 161]. Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa về cơ bản tiến hành giống như ở phiên tòa sơ thẩm. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 hướng dẫn phần thứ tư “xét xử phúc thẩm” thì “Khi bắt đầu phiên tòa, thay cho việc đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa” [10, tr. 6].

Nếu như trong thủ tục bắt đầu phiên tòa tại Tòa án cấp sơ thẩm, chủ tọa phiên tòa đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử thì tại phiên tòa phúc thẩm, thay bằng

việc đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa. Đây là điểm khác biệt so với thủ tục bắt đầu phiên tòa tại phiên tòa sơ thẩm.

Lời khai mạc phiên tòa phúc thẩm được quy định tại Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 hướng dẫn phân thứ tự “xét xử phúc thẩm”:

Lời khai mạc của Chủ tọa phiên tòa phải có nội dung như sau: Hôm nay, ngày... tháng... năm, Tòa (tên tòa án cấp phúc thẩm) mở phiên tòa phúc thẩm để xét xử vụ án hình sự đối với bị cáo... (nếu có một hoặc hai bị cáo thì nói đầy đủ họ, tên của bị cáo; nếu có từ ba bị cáo trở lên thì nói họ tên của bị cáo trong số các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và thêm các chữ “và các bị cáo khác”) bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội (các tội)..., do có kháng cáo, kháng nghị của... (chỉ cần nói theo địa vị tố tụng của người tham gia tố tụng, như “bị cáo”, “người bị hại”...; tên của Viện kiểm sát kháng nghị). Thay mặt Hội đồng xét xử phúc thẩm tôi tuyên bố khai mạc phiên tòa” [10, tr. 6].

Đặc điểm trong tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm

Nhằm cụ thể hóa nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng không chỉ thể hiện ở phần tranh luận mà còn được thể hiện ngay trong phần xét hỏi, BLTTHS năm 2015 đã nhập thủ tục xét hỏi tại phiên tòa với thủ tục tranh luận tại phiên tòa thành “thủ tục tranh tụng tại phiên tòa” (Mục V, chương XXI).

Trước khi bắt đầu phần xét hỏi thay cho việc đọc cáo trạng, một thành viên của Hội đồng xét xử trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử có nghĩa vụ làm rõ nội dung kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp cần thiết mới xem xét nội dung khác không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

Tranh luận tại phiên tòa có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, việc tranh luận bị hạn chế hơn so với phiên tòa sơ thẩm. Chỉ có một số chủ thể có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị mới được triệu tập tham gia phiên tòa nên phạm vi tranh tụng được giới hạn bởi nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Đặc điểm của nghị án và tuyên án

Trong quá trình nghị án, HĐXX phúc thẩm thảo luận và biểu quyết theo đa số về từng vấn đề liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Những vấn đề tuy không có kháng cáo, kháng nghị có thể vẫn được xem xét nếu HĐXX thấy cần thiết phải giải quyết và điều đó không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.

Trước khi tuyên án, HĐXX phải thông qua bản án phúc thẩm đã được chỉnh lý theo quyết định của HĐXX đã nghị án.

1.2. Pháp luật tố tụng Việt Nam về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự.

1.2.1. Khái quát quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thủ tục phiên tòa phúc thẩm.

1.2.1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1988.

Năm 1945 Cách mạng tháng Tám thành công cùng với đó là sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Để bảo vệ chính quyền còn non trẻ, Tòa án quân sự được thành lập tại Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Sài Gòn theo sắc lệnh số 33/SL ngày 13/9/1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký. Những Tòa án này là tiền thân của Tòa án nhân dân sau này. Cùng với sự ra đời của Tòa án với tư cách là cơ quan xét xử của Nhà nước, việc xét xử phúc thẩm cũng đã được quy định và phát triển qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, phù hợp với nhận thức và yêu cầu thực tiễn.

Sau khi giành độc lập, để bảo vệ thành quả cách mạng, trấn áp bọn tội phạm, Nhà nước ta đã thành lập Tòa án quân sự với chức năng nhiệm vụ “xét xử tất cả những người nào phạm tội một việc gì có phương hại đến nền độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” (Điều 2 Sắc lệnh số 33/SL ngày 13/9/1945). Trong hoàn cảnh đất nước lúc đó, để kịp thời trấn áp bọn tội phạm, bọn phản cách mạng, chuyên chính nhà nước, Sắc lệnh đã quy định về việc xét xử của Tòa án quân sự là chung thẩm, các bản án được thi hành ngay, các đương sự không có quyền chống án. Tuy nhiên, đối với các bản án tuyên xử tử, các đương sự vẫn có quyền chống án. Tại điều 3 sắc lệnh này quy định thì những quyết định của Tòa án quân sự sẽ được thi hành ngay không có quyền chống án, trừ các văn bản án xử tử. Có thể nói, việc xét xử sơ thẩm đã có cơ sở hình thành. Tiếp theo, Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/4/1946, Sắc lệnh 112/SL ngày 28/6/1946 đã có những quy định cụ thể khác về

việc kháng cáo, kháng án khuyết tịch và thẩm quyền của Tòa án khi xét xử phúc thẩm.

Ngày 09/11/1946, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua Hiến pháp năm 1946 là bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam. Hiến pháp năm 1946 ra đời có ý nghĩa quan trọng đối với lịch sử thành lập ngành Tòa án, quyền chống án của bị cáo lần đầu tiên được quy định trong một văn bản pháp luật có hiệu lực cao nhất.

Hiến pháp năm 1959 và các luật Luật tổ chức Tòa án nhân dân ngày 14/7/1960, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960 được ban hành đánh dấu một bước phát triển mới trong lịch sử lập pháp của nhà nước ta. Lần đầu tiên chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng được hệ thống hóa một cách cụ thể trong các văn bản pháp luật. Ngày 19/5/1967, Tòa án nhân dân tối cao đã có Thông tư số 03-NCPL lần đầu tiên hướng dẫn có hệ thống về trình tự, thủ tục tố tụng phúc thẩm.

Theo đó, trình tự ở cấp phúc thẩm nói chung cũng giống trình tự ở cấp sơ thẩm nhưng vì tính chất đặc biệt của phúc thẩm nên có một vài đặc điểm như sau: Theo quy định trong Thông tư này thì mở đầu phiên tòa là phần chuẩn bị cho việc xét hỏi, tiếp theo là phần chuẩn bị báo cáo của một thành viên trong Hội đồng xử án; Tranh luận và nghị án. Bên cạnh đó Thông tư này cũng quy định về thủ tục rút gọn ở phiên tòa phúc thẩm, theo đó thì phiên tòa theo thủ tục rút gọn sẽ không có mặt bất cứ một đương sự nào.

Thông tư 03-NCPL, lần đầu tiên hướng dẫn có hệ thống về trình tự tố tụng phúc thẩm hình sự. Văn bản này đã bổ sung nhiều quy định còn thiếu của pháp luật về trình tự tố tụng chẳng hạn như: Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị, về thu thập tài liệu trước khi mở phiên tòa.... Việc xem xét lại nội dung vụ án tạo điều kiện cho Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm phát hiện và sửa chữa những sai lầm của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm, đảm bảo phương châm chính xác, không oan người vô tội cũng như không bỏ lọt tội phạm trong công tác xét xử. Mặc dù vậy, Thông tư này còn tồn tại nhiều hạn chế khi quy định Tòa án cấp phúc thẩm phải xét lại toàn bộ vụ án; quyền hạn của Tòa án cấp phúc thẩm còn chưa được quy định cụ thể.... Trên cơ

sở khắc phục hạn chế trên, TANDTC xây dựng bản hướng dẫn về trình tự tố tụng phúc thẩm hình sự (kèm theo Thông tư số 19-TATC ngày 02/10/1974) để thay thế văn bản cũ, với quy định tương đối hợp lý và đầy đủ hơn như: về kháng cáo, kháng nghị; thủ tục xét xử ở cấp phúc thẩm... Văn bản này là cơ sở quan trọng để phát triển và hoàn thiện những quy định của BLTTHS về phúc thẩm.

Sau năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất. Để có thể áp dụng thống nhất pháp luật trong cả nước, áp dụng các văn bản pháp luật ở miền Nam cho phù hợp với đường lối chính sách của Đảng, ngày 02/7/1976 Quốc hội khóa VI kỳ họp thứ nhất đã ra Nghị quyết quy định ở miền Nam chưa có các văn bản hướng dẫn thì sẽ áp dụng những văn bản miền Bắc đã có. Việc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự được áp dụng thống nhất trong cả nước. Bên cạnh đó, Hiến pháp 1980 được ban hành thay thế cho Hiến pháp năm 1959, cùng đó Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 1981 ra đời tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VII.

Như vậy, trong giai đoạn này, thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự đã được quy định rõ ràng, tiến bộ hơn. Tuy nhiên các quy định vẫn sơ xài, không phù hợp và bộc lộ nhiều khiếm khuyết trong quá trình thực thi.

1.2.1.2. Giai đoạn từ năm 1988 đến năm 2003

Bộ luật hình sự đầu tiên của nước ta được Quốc hội thông qua vào ngày 25/6/1988 có hiệu lực vào ngày 01/01/1989. Có thể nói bộ luật này đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi của công cuộc cải cách tư pháp của nước ta. Bộ luật giành toàn bộ chương XXII và chương XXIII quy định thủ tục về phúc thẩm hình sự.

Thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự được quy định tại Điều 219 Bộ luật hình sự năm 1988, theo đó thì phiên tòa phúc thẩm cũng tiến hành như phiên tòa sơ thẩm nhưng trước khi xét hỏi, một thành viên của HĐXX phải trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm và nội dung của kháng cáo hoặc kháng nghị. Sau đó, tòa xét hỏi, nghe tranh luận, nghị án và tuyên án theo quy định tại các chương XIX, XX và XXI của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu kết luận về tính chất hợp pháp và có căn cứ của bản án sơ thẩm trên cơ sở đánh giá những chứng cứ cũ, chứng cứ mới và kết quả điều tra tại phiên tòa phúc thẩm. Nếu Viện kiểm sát rút

toàn bộ kháng nghị của mình, khi kết luận vụ án mà không có kháng cáo của những người tham gia tố tụng thì Tòa án phải đình chỉ xét xử phúc thẩm. Đây là những quy định đầy đủ và hoàn thiện nhất về thủ tục phiên tòa phúc thẩm.

Qua hai lần sửa đổi bổ sung các chế định về phúc thẩm ngày càng được hoàn thiện phù hợp với thực tiễn xét xử, góp phần tích cực nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án, kịp thời khắc phục những sai lầm trong công tác xét xử đảm bảo lợi ích của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kết án và các đương sự khác.

1.2.1.3 Giai đoạn từ năm 2003 đến 2015.

Tuy Bộ luật tố tụng năm 2003 đã có một số sửa đổi quan trọng trong thủ tục xét xử phúc thẩm, đã khắc phục được nhiều vướng mắc trong nhận thức và trong thực tiễn khi áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 1988 về thủ tục xét xử phúc thẩm nhưng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Thứ nhất, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về thủ tục phúc thẩm chưa thật rõ ràng, việc hướng dẫn và giải thích chưa kịp thời. Điều đó dẫn đến nhận thức khác nhau về tính chất, quy trình, phạm vi, quyền hạn của tòa phúc thẩm. Ví dụ như Tòa án cấp phúc thẩm có thể xử bị cáo theo tội danh nặng hơn; quyền của Tòa án cấp phúc thẩm quyết định chuyển từ hình phạt tù được hưởng án treo sang hình phạt tù giam; các căn cứ Tòa án cấp phúc thẩm hủy án trong một số trường hợp như không có kháng cáo, kháng nghị, hủy án do vi phạm thủ tục tố tụng. Thứ hai, chất lượng xét xử phúc thẩm chưa cao. Một số bản án phúc thẩm bị Tòa án cấp giám đốc thẩm hủy để điều tra và xét xử lại. Thứ ba, số lượng vụ án tồn đọng của cấp phúc thẩm khá nhiều; nguyên nhân do ít Thẩm phán mà lượng công việc lại nhiều.

Chính vì vậy, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2015 (đang bị lùi thời gian có hiệu lực theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội). Nhìn chung, quy định trong BLTTHS năm 2015 đã cụ thể hóa quan điểm của Đảng theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/12/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; phù hợp với Hiến pháp năm 2013.

Tóm lại, BLTTHS năm 2015 đã khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về thủ tục phúc thẩm phiên tòa hình sự. Tuy nhiên, một vài quy định trong BLTTHS năm 2015 chưa được quy định chi tiết, cụ thể nên vẫn chưa có cách hiểu, áp dụng thống nhất.

1.2.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Bộ luật tố tụng hình sự được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015; Luật được Chủ tịch nước ký lệnh công bố ngày 09/12/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018 thay thế cho BLTTHS 2003. So với chế định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm năm 2003 thì chế định về thủ tục phúc thẩm luật tố tụng hình sự 2015 đã được quy định cụ thể hơn, góp phần bảo vệ chế độ nhà nước xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân... Thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự theo quy định của BLTTHS năm 2015 bao gồm thủ tục tố tụng chung và thủ tục tố tụng đặc biệt.

1.2.2.1. Quy định về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự chung.

Thủ tục tố tụng chung được hiểu là tổng thể các quy phạm pháp luật quy định về trình tự tiến hành phiên tòa phúc thẩm hình sự mà tất cả các chủ thể tiến hành và tham gia phiên tòa phải tuân thủ đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự ở tòa án cấp phúc thẩm. Thủ tục tố tụng chung hiện nay bao gồm thủ tục: Thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa, nghị án và tuyên án. Tại phiên tòa phúc thẩm các thủ tục này được thực hiện theo một trình tự nhất định, cái sau liền kề cái trước, cái trước tạo điều kiện cho việc thực hiện cái sau. Thực hiện đúng và đầy đủ các giai đoạn này có ý nghĩa thiết thực trong quá trình giải quyết vụ án hình sự cấp phúc thẩm.

Thủ tục bắt đầu phiên tòa.

Nội dung của thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm là kiểm tra sự có mặt của những người tham gia tố tụng được triệu tập tới phiên tòa, kiểm tra căn cước, giải thích quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Khi giải thích về quyền, nghĩa vụ cho những người tham gia phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa giải thích quyền bổ sung, thay đổi, rút

một phần hoặc toàn bộ kháng cáo, kháng nghị (nhưng không được làm xấu hơn tình trạng bị cáo). Trong trường hợp bị cáo hoặc các đương sự khác rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị tại phiên tòa, thì việc rút kháng cáo, kháng nghị đó phải được ghi vào biên bản phiên tòa, HĐXX nhận định việc rút một phần kháng cáo, kháng nghị và quyết định đình chỉ xét xử phần kháng cáo, kháng nghị đó trong bản án phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục xét xử phúc thẩm vụ án theo thủ tục chung đối với phần kháng cáo, kháng nghị còn lại. Trong trường hợp người kháng cáo hoặc Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị và không còn ai kháng cáo thì Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

Chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem có ai đề nghị triệu tập thêm người làm chứng, đưa thêm vật chứng, đề nghị hoãn phiên tòa nếu có người vắng mặt hay không. Nếu có người yêu cầu thì HĐXX xem xét và quyết định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, hội đồng xét xử tiến hành giải quyết trong trường hợp người được triệu tập vắng mặt như sau:

Trường hợp người bào chữa vắng mặt tại phiên tòa lần đầu tiên do sự kiện bất khả kháng mà bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa thì phiên tòa vẫn được tiến hành, nếu không, về nguyên tắc, Tòa án phải ra quyết định hoãn phiên tòa. Còn trường hợp người bào chữa vắng mặt không xuất phát từ lý do khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng hoặc được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn không có mặt thì phiên tòa vẫn được tiến hành bình thường. Quy định này nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của người bào chữa trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa.

HĐXX vẫn tiến hành xét xử nhưng không được ra bản án hoặc quyết định không có lợi cho bị hại, đương sự, bị cáo nếu họ vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan.

Chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, thư ký Tòa án, người phiên dịch, người giám định hay không. Nếu có người yêu cầu thì Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Sau khi khai mạc phiên tòa và sau khi nghe Thư ký phiên tòa báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người được triệu tập. Nếu có người vắng mặt thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa thì Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào các Điều 352 BLTTHS 2015 thảo luận và thông qua tại phòng xử án quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án hoặc hoãn phiên tòa. Trong trường hợp quyết định hoãn phiên tòa thì không phải lập thành văn bản, nhưng phải được ghi vào biên bản phiên tòa.

Hoạt động xét xử phụ thuộc rất nhiều vào việc có tiến hành đúng thủ tục bắt đầu phiên tòa hay không. Thực hiện đúng thủ tục này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành các thủ tục tiếp theo. Sau khi hỏi và được biết không ai có ý kiến gì phản này, Chủ tọa tuyên bố kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và chuyển sang phần xét hỏi.

Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa

Nhằm cụ thể hóa nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng không chỉ thể hiện ở phần tranh luận mà còn được thể hiện ngay trong phần xét hỏi, BLTTHS năm 2015 đã nhập thủ tục xét hỏi tại phiên tòa với thủ tục tranh luận tại phiên tòa thành “thủ tục tranh tụng tại phiên tòa” (Mục V, chương XXI).

Trước khi bắt đầu phần xét hỏi thay cho việc đọc cáo trạng, một thành viên của Hội đồng xét xử trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo có nghe rõ nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo, kháng nghị hay không. Trường hợp bản án sơ thẩm bị Viện kiểm sát kháng nghị thì Chủ tọa phiên tòa hỏi kiểm sát viên có bổ sung, thay đổi, rút một phần hay toàn bộ kháng nghị hay không. Nếu bản án sơ thẩm bị nhiều người tham gia tố tụng khác nhau kháng cáo thì phải hỏi lần lượt từng người một xem họ có bổ sung, thay đổi, rút một phần hay toàn bộ kháng cáo không. HĐXX và những người tham gia phiên tòa tiến hành nghiên cứu, kiểm tra, làm rõ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và những chứng cứ mới được xuất trình tại phiên tòa. Đồng thời chỉ được căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét, đánh giá thông qua việc xét hỏi và nghe các bên tranh luận tại phiên tòa để ra phán quyết bằng bản án.

Thực hiện xét hỏi tại phiên tòa. Xét hỏi tại phiên tòa thực chất là cuộc điều tra xác định sự thật khách quan của vụ án. Vì vậy, các bên tham gia tố tụng đều có quyền điều tra dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa từ việc hỏi người khác, xem xét vật chứng, tài liệu. Trình tự xét hỏi được sửa đổi, bổ sung tại Điều 307 BLTTHS 2015 như sau: theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý. Khi xét hỏi, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định đề Thẩm phán, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi [14, tr. 144].

Người tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyền đề nghị Chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Đồng thời BLTTHS năm 2015 bổ sung cho bị cáo quyền được trực tiếp đặt câu hỏi với các bị cáo khác, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ, người làm chứng nếu được Chủ tọa đồng ý thay vì đề nghị Chủ tọa hỏi (Điểm i Khoản 2 Điều 61, Điều 309, 310 và 311 Bộ luật TTHS 2015). Ý nghĩa của việc làm này để xác định toàn diện, đầy đủ, khách quan nội dung vụ án, tránh oan sai, đảm bảo xét xử đúng quy định của pháp luật.

Trong phần xét hỏi tại tòa, BLTTHS 2015 trực tiếp ghi nhận “Quyền im lặng” của bị cáo tại phiên tòa thể hiện ở Điểm b Khoản 2 Điều 308 BLTTHS 2015 nếu người được xét hỏi không khai tại phiên tòa hoặc không nhớ những lời khai của mình trong giai đoạn điều tra, truy tố thì công bố những lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và Khoản 3 Điều 309 BLTTHS 2015 “Nếu bị cáo không trả lời các câu hỏi thì HĐXX, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự tiếp tục hỏi những người khác và xem xét vật chứng, tài liệu có liên quan vụ án” [14, tr. 145].

Về nội dung của tranh luận: Hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên bao gồm trình bày lời luận tội và đối đáp với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Luận tội của KSV phải căn cứ vào những chứng cứ cũ và mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của người kháng cáo, những người liên quan tới nội dung của kháng cáo hoặc

kháng nghị ở phần xét hỏi tại phiên tòa. Điều 321 BLTTHHS quy định: “Nội dung luận tội của Kiểm sát viên phải phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

Đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng” [14, tr. 148]. Điều này có ý nghĩa đảm bảo tính tranh luận dân chủ tại phiên tòa.

Bản chất hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự là làm sáng tỏ các tình tiết khách quan của vụ án nhằm góp phần cùng với HĐXX giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra oan sai cũng như bỏ lọt tội phạm. Như vậy, tranh luận của Kiểm sát viên không chỉ là buộc tội mà cần phải chú ý cả vấn đề gỡ tội. Do đó, không phải là vấn đề “được thua”, mà tranh luận để làm rõ các tình tiết của vụ án, góp phần cùng tòa án đánh giá đúng bản chất của sự việc. Việc nhận thức đúng đắn bản chất của hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự có ý nghĩa rất quan trọng. Bởi vì, chỉ trên cơ sở nhận thức đúng về bản chất của tranh luận mới giúp cho Kiểm sát viên xác định đúng đắn nhiệm vụ của mình khi tham gia tranh luận, nêu cao trách nhiệm trong việc thực hiện đầy đủ các yêu cầu mà pháp luật quy định, có thái độ và cách ứng xử phù hợp, tránh tư duy cứng nhắc, bảo thủ, không xem xét, đánh giá đầy đủ kết quả điều tra công khai tại phiên tòa dẫn đến những sai lầm trong việc đưa ra quan điểm giải quyết vụ án.

Trong giai đoạn này, Tòa án thay mặt cho nhà nước xác định sự thật khách quan trên cơ sở điều tra công khai tại phiên tòa, lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến các bên tham gia tranh luận để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Từ

đó đưa ra quyết định giải quyết vụ án đúng pháp luật. Nếu qua tranh luận, thấy có đủ căn cứ khẳng định cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo là có cơ sở thì sẽ là căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo. Nếu qua thẩm vấn thấy các chứng cứ chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc có nhiều mâu thuẫn mà tại phiên tòa phúc thẩm không có điều kiện khắc phục được thì Hội đồng xét xử sẽ lấy đó làm căn cứ để huỷ án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Như vậy, thực hiện việc tranh tụng tại phiên tòa và Tòa án ra phán quyết trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa là đảm bảo quan trọng cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án, để từ đó giải quyết vụ án một cách đúng đắn, khách quan.

Thủ tục tuyên án và nghị án

Việc nghị án và tuyên án được tiến hành sau khi kết thúc phần tranh luận, HĐXX vào phòng nghị án và quyết định về vụ án, sau đó trở lại phòng xử án để tuyên án.

Thủ tục nghị án là thủ tục giữ vai trò quan trọng. Khi tiến hành nghị án, nguyên tắc tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số được áp dụng triệt để. Thành phần tham gia nghị án là các thành viên HĐXX. Việc nghị án được tiến hành và phải được lập biên bản nghị án như ở thủ tục phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình nghị án, HĐXX phúc thẩm thảo luận và biểu quyết theo đa số về từng vấn đề liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Những vấn đề tuy không có kháng cáo, kháng nghị có thể vẫn được xem xét nếu HĐXX thấy cần thiết phải giải quyết và điều đó không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.

Trước khi tuyên án, HĐXX phải thông qua bản án phúc thẩm đã được chỉnh lý theo quyết định của HĐXX đã nghị án. Việc nghị án phải được tiến hành trong phòng riêng, được giữ bí mật và cách ly với bên ngoài. Trong thời gian nghị án không ai được vào phòng nghị án hoặc tìm cách liên lạc với HĐXX. Có như vậy mới đảm bảo tính khách quan của bản án hình sự phúc thẩm.

Nội dung nghị án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ cũ và chứng cứ mới

được bổ sung, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, HĐXX thảo luận giải quyết tất cả các vấn đề thuộc nội dung kháng cáo, kháng nghị đã được làm rõ tại phần xét hỏi và phần tranh luận.

Trong quá trình nghị án, nếu HĐXX thấy có tình tiết của vụ án chưa được xét hỏi và tranh luận, nếu cần thiết có thể quay lại để tiếp tục việc xét hỏi tranh luận.

Khi nghị án, hội đồng xét xử phúc thẩm phải có biên bản phản ánh đầy đủ quá trình nghị án, các ý kiến thảo luận về vụ án, kết quả biểu quyết và ý kiến bảo lưu (nếu có). Biên bản nghị án phải được tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử kí tại phòng nghị án trước khi tuyên án. Bộ luật tố tụng hình sự quy định chủ tọa tự mình hoặc phân công một thành viên của HĐXX ghi biên bản nghị án.

Sau khi nghị án, HĐXX trở lại phòng xử án tuyên án, việc tuyên án là liên tục, không nghỉ giải lao. Nếu bản án quá dài thì các thành viên của HĐXX có thể thay nhau đọc cho đến khi hết bản án. Chủ tọa giải thích thêm về việc chấp hành bản án và tuyên bố bế mạc phiên tòa.

Như vậy, có thể thấy rằng thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm có mối liên kết chặt chẽ, có mối quan hệ hữu cơ, bổ sung cho nhau nhằm làm sáng tỏ tình tiết của vụ án, giúp HĐXX ra bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các thủ tục này phải tiến hành theo một trình tự nghiêm ngặt, từ thủ tục bắt đầu phiên tòa, mới đến thủ tục tranh tụng và cuối cùng là nghị án, tuyên án. Các thủ tục này tiến hành đúng sẽ tạo thuận lợi cho việc thực hiện thủ tục kế tiếp và toàn bộ thủ tục phiên tòa phúc thẩm, tạo ra sự nghiêm minh của phiên tòa.

1.2.2.2. Quy định về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự đặc biệt.

Đối với người dưới 18 tuổi

Quy định về thủ tục xét xử đối với người dưới 18 tuổi tại Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung quan trọng so với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Cụ thể tại Điều 423 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung so với Điều 307 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về thủ tục xét xử đối với người dưới 18 tuổi đối với phiên tòa sơ thẩm. Như

quy định thủ tục phiên tòa phúc thẩm cũng tiến hành giống phiên tòa sơ thẩm như sau:

- Về thành phần HĐXX gồm ba Thẩm phán.

- Quy định cụ thể trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể xử kín. Nhằm đảm bảo sự khách quan, tạo điều kiện trợ giúp tốt hơn về mặt tâm lý cho người dưới 18 tuổi thì phiên tòa phải có mặt người đại diện của bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ chức nơi bị cáo học tập, sinh hoạt...

- Việc xét hỏi, tranh luận với bị cáo, bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa phải được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển của họ; phòng xử án được bố trí thân thiện, phù hợp.... Vụ án có bị hại, người làm chứng dưới 18 tuổi, Hội đồng xét xử phải hạn chế việc tiếp xúc giữa bị hại, người làm chứng với bị cáo khi bị hại, người làm chứng trình bày lời khai...

- Biện pháp tư pháp áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ có duy nhất biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Nếu thấy không cần thiết phải quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp này.

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết việc xét xử vụ án có người dưới 18 tuổi của Tòa gia đình và người chưa thành niên.

Đối với pháp nhân thương mại.

Điều 431 BLTTHS năm 2015 quy định phạm vi áp dụng BLTTHS đối với pháp nhân: “Thủ tục tố tụng đối với pháp nhân bị tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố, bị điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được tiến hành theo quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này” [14, Điều 431, tr. 193].

Như vậy, với tư cách là chủ thể của pháp luật tố tụng hình sự, pháp nhân thông qua người đại diện theo pháp luật có quyền và nghĩa vụ tham gia đầy đủ vào các giai đoạn tố tụng hình sự được quy định tại Điều 434 BLTTHS: “Mọi hoạt động tố tụng của pháp nhân bị truy cứu trách nhiệm hình sự được thông qua người đại diện theo pháp luật của pháp nhân. Pháp nhân phải cử và bảo đảm cho người đại diện theo pháp luật của mình tham gia đầy đủ các hoạt động khởi tố, điều tra, truy

tố, xét xử, thi hành án theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hoặc không thể tham gia tố tụng được thì pháp nhân phải cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của mình tham gia tố tụng. Trường hợp pháp nhân thay đổi người đại diện thì pháp nhân phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại thời điểm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử mà pháp nhân không có người đại diện theo pháp luật hoặc có nhiều người cùng là đại diện theo pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định một người đại diện cho pháp nhân tham gia tố tụng” [14, Điều 434, tr. 194]. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân tham gia vào trong tố tụng hình sự được BLTTHS năm 2015 quy định những quyền và nghĩa vụ cụ thể tại Điều 435. Nói cách khác pháp nhân bị truy cứu trách nhiệm hình sự cũng có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng như người bị buộc tội. Các quyền và nghĩa vụ tố tụng này được thực hiện thông qua người đại diện.

Tại các Điều 436 đến Điều 439 BLTTHS năm 2015 quy định một số biện pháp cưỡng chế áp dụng với pháp nhân phạm tội nhằm bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được diễn ra bình thường như: Kê biên tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân; Phong tỏa tài khoản của pháp nhân liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân; Tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân; Buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án” (Điều 436 BLTTHS năm 2015).

Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 còn quy định tại Điều 444 về thẩm quyền xét xử của Tòa án, theo đó, Tòa án có thẩm quyền xét xử với pháp nhân được quy định là Tòa án nơi pháp nhân thực hiện tội phạm. Trường hợp tội phạm được thực hiện tại nhiều nơi khác nhau thì Tòa án có thẩm quyền xét xử là Tòa án nơi pháp nhân đó có trụ sở chính hoặc nơi có chi nhánh của pháp nhân đó thực hiện tội phạm.

Do đó, việc xác định các tội danh mà pháp nhân thương mại thực hiện cần thận trọng, có các bước đi phù hợp, trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm và phổ biến của những vi phạm xảy ra trong thực tiễn để quy định trong BLHS

nhằm xử lý hành vi phạm tội. Việc pháp nhân phạm tội không loại trừ TNHS của cá nhân. Vì vậy, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự cần làm rõ các tình tiết, hành vi phạm tội của cá nhân hoặc pháp nhân (nếu có), trường hợp pháp nhân ra quyết định hoặc chỉ đạo cá nhân thực hiện hành vi phạm tội thì cần xử lý hình sự cả cá nhân và pháp nhân về tội mà họ đã thực hiện. Đảm bảo việc xử lý tội phạm mới triệt để, toàn diện, tránh bỏ lọt tội phạm và cá nhân, pháp nhân phạm tội.

Thủ tục rút gọn

- Phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn:

Theo Điều 455 BLTTHS năm 2015, TTRG được áp dụng đối với việc điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm được thực hiện theo quy định của Chương XXXI BLTTHS năm 2015 và những quy định khác của BLTTHS năm 2015 không trái với quy định của Chương này.

Thủ tục rút gọn là 01 trong các thủ tục đặc biệt được BLTTHS năm 2015 quy định. Xuất phát từ mục đích, ý nghĩa của TTRG cho nên phạm vi áp dụng TTRG chỉ áp dụng ở giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm mà không áp dụng đến giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm. Bởi vì, khi vụ án được xem xét theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm thì vụ án cần được xem xét thận trọng nên cần có thời gian để nghiên cứu, đánh giá toàn diện các tình tiết của vụ án. Bên cạnh đó, khi đã quyết định giải quyết vụ án theo TTRG thì quy định tại Chương XXXI BLTTHS năm 2015 sẽ ưu tiên được áp dụng trước. Đồng thời, để tránh quy định về TTRG một cách rườm rà và tận dụng các quy định chung về thủ tục giải quyết vụ án, đối với những thủ tục mà Chương XXXI BLTTHS năm 2015 không quy định thì được áp dụng quy định khác của BLTTHS năm 2015 để giải quyết nhưng phải đảm bảo các đặc thù về việc giải quyết vụ án theo TTRG, nhất là phải đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án.

Điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử phúc thẩm:

Với việc mở rộng phạm vi áp dụng TTRG đến giai đoạn xét xử phúc thẩm, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung điều kiện áp dụng TTRG ở giai đoạn xét xử phúc thẩm tại khoản 2 Điều 456. Theo đó, TTRG được áp dụng trong xét xử phúc thẩm khi có một trong hai điều kiện:

Một là, vụ án đã được áp dụng TTRG trong xét xử sơ thẩm và chỉ có kháng cáo, kháng nghị giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo;

Hai là, vụ án chưa được áp dụng TTRG trong xét xử sơ thẩm nhưng có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 456 BLTTHS năm 2015 và chỉ có kháng cáo, kháng nghị giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

Như vậy, TTRG chỉ được áp dụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm khi vụ án đó đảm bảo các điều kiện áp dụng TTRG ở giai đoạn xét xử sơ thẩm (có thể TTRG đã được áp dụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hoặc chưa áp dụng) và nội dung kháng cáo, kháng nghị chỉ xoay quanh việc áp dụng pháp luật khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội, chứ không liên quan đến các vấn đề khác cần phải giải quyết trong vụ án (như: tội danh, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự...).

Xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn

BLTTHS năm 2015 quy định về xét xử phúc thẩm theo TTRG tại Điều 464 về chuẩn bị xét xử phúc thẩm và Điều 465 về phiên tòa xét xử phúc thẩm. Nhìn chung, quy định về xét xử phúc thẩm theo TTRG được tiến hành theo thủ tục chung.

Đối với giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm: Điều 464 BLTTHS năm 2015 quy định các vấn đề sau:

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công xét xử ra một trong 02 quyết định: (1) Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và (2) Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án.

- Về việc chuyển giao hồ sơ vụ án với Viện kiểm sát cùng cấp: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án phải chuyển ngay hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát phải trả hồ sơ vụ án cho Tòa án. Về việc gửi, giao quyết định đưa vụ án ra xét xử: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi quyết định đó cho Viện kiểm sát cùng cấp, người bào chữa; giao cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ.

Đối với phiên tòa phúc thẩm: Theo Điều 465 BLTTHS năm 2015, về cơ bản, phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án theo TTRG vẫn được tiến hành theo thủ

tục chung. Riêng chủ thể có thẩm quyền xét xử, nghị án được quy định theo hướng rút gọn trên cơ sở cụ thể hóa quy định từ Hiến pháp năm 2013. Theo đó, việc xét xử phúc thẩm theo TTRG do một Thẩm phán tiến hành. Các trình tự, thủ tục tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện theo thủ tục chung nhưng không tiến hành nghị án.

1.3. Các quy định về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự một số nước trên thế giới.

Thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự tại Trung Quốc

Mô hình tố tụng hình sự Trung Quốc về cơ bản là mô hình tố tụng thẩm vấn. Tuy nhiên, tố tụng hình sự Trung Quốc mang nhiều yếu tố tranh tụng hơn với mục đích bảo đảm việc điều tra, làm sáng tỏ bản chất của tội phạm một cách chính xác, kịp thời, trừng trị người phạm tội theo đúng pháp luật, bảo đảm người vô tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tăng cường nhận thức của người dân về sự cần thiết phải chấp hành pháp luật, tích cực đấu tranh với những hành vi phạm tội nhằm bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ các quyền cá nhân; tài sản, quyền dân chủ và các quyền khác của họ; đảm bảo tiến hành thuận lợi công cuộc phát triển chủ nghĩa xã hội .

Tòa án giải quyết vụ án hình sự theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án hoặc quyết định của Tòa án đã tiến hành xét xử sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Đối với việc xét xử phúc thẩm phải do HĐXX gồm ba Thẩm phán xét xử. Phạm vi xét xử không bị giới hạn bởi nội dung kháng cáo, kháng nghị. Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm phải thành lập một hội đồng xét xử và mở phiên tòa xét xử vụ án có kháng cáo. Tuy nhiên, nếu sau khi xem xét hồ sơ, thẩm vấn bị cáo và hỏi ý kiến các bên, bị cáo và người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, hội đồng xét xử thấy rằng tình tiết phạm tội rõ ràng thì có thể không mở phiên tòa. Tòa án cấp phúc thẩm phải mở phiên tòa xét xử vụ án có kháng nghị của Viện kiểm sát. Khi Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa xét xử vụ án có kháng cáo, kháng nghị thì có thể tiến hành tại nơi xảy ra vụ án hoặc nơi có trụ sở của Tòa án ban đầu đã xét xử vụ án. VKS cùng cấp phải cử KSV tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự Trung Quốc được tiến hành giống như thủ tục phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Điều 195 BLTTHS Trung Quốc [31, tr. 53] bao gồm: Thủ tục bắt đầu phiên tòa; Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa; Thủ tục tranh luận tại phiên tòa; Thủ tục nghị án và tuyên án.

Thủ tục bắt đầu phiên tòa

Phiên tòa bắt đầu bằng việc xét hỏi về căn cước, tình trạng gia đình của bị cáo và tiến trình tố tụng cơ bản của vụ án đó, tiếp theo bị cáo được quyền đề nghị thay đổi Thẩm phán và Kiểm sát viên. Sau khi kết thúc phần thủ tục, Tòa án tiến hành việc điều tra.

Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa

Việc điều tra tại phiên tòa giúp Tòa án xem xét, kiểm tra chứng cứ đã thu thập được có đủ giá trị chứng minh cho sự thật vụ án hay không, giúp các bên tìm kiếm, khẳng định, củng cố các chứng cứ có lợi cho mình. Chính vì vậy, thẩm vấn (hỏi - đáp) là phương thức chủ yếu được sử dụng tại phiên tòa trong giai đoạn điều tra tại phiên tòa. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm phát hiện thấy trong khi xét xử vụ án Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm trình tự tố tụng đã quy định trong luật theo một trong những cách sau thì phải huỷ bản án cũ và trả vụ án cho Tòa án đã xét xử ban đầu xét xử lại: (1) vi phạm những quy định của Luật này liên quan đến việc xét xử công khai; (2) vi phạm hệ thống rút lui; (3) tước bỏ của các bên đương sự quyền hợp pháp của họ được quy định trong luật hoặc hạn chế những quyền này mà có thể ảnh hưởng đến tính khách quan của việc xét xử; (4) thành lập bất hợp pháp một tổ chức tư pháp; hoặc (5) những vi phạm tố tụng khác theo luật có thể ảnh hưởng đến tính khách quan của việc xét xử [31, tr. 52].

Thủ tục tranh luận tại phiên tòa

Khi Hội đồng xét xử thấy rằng việc điều tra tại phiên tòa đã rõ ràng thì chủ tọa tuyên bố kết thúc việc điều tra chuyển sang phần tranh luận tại phiên tòa tập trung vào các vấn đề về sự thật, chứng cứ của vụ án liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị. Việc tranh luận tại phiên tòa được thực hiện theo thứ tự: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau đó đến người bị hại và người đại diện tố tụng của họ phát biểu ý kiến, tiếp đến bị cáo tự bào chữa và người bào chữa bào chữa cho bị cáo và

cuối cùng các bên tiến hành tranh luận với nhau . Trong quá trình tranh luận, nếu có tình tiết mới phát sinh và thấy rằng cần phải điều tra thì Chủ tọa phiên tòa có thể tuyên bố tạm dừng việc tranh luận để khôi phục việc điều tra tại phiên tòa cho đến khi điều tra làm rõ sự thật thì mới tiếp tục việc tranh luận . Sau khi kết thúc việc tranh luận, bị cáo được nói lời sau cùng, tiếp đến Hội đồng xét xử nghị án trong thời gian ngắn, rồi quay trở lại phiên tòa để tuyên án.

Thủ tục nghị án và tuyên án

Khi nghị án, nếu HĐXX có quan điểm kháng nhau thì quyết định theo đa số, nhưng phải ghi ý kiến thiểu số vào biên bản. Biên bản nghị án phải có chữ ký của các thành viên HĐXX.

Sau khi xét xử và nghị án, HĐXX phải tuyên án dựa trên những tình huống khác nhau, giải quyết theo một trong những cách sau: (1) nếu phán quyết ban đầu là đúng trong việc quyết định các tình tiết và áp dụng pháp luật và phù hợp với hình phạt, Tòa án phải huỷ kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án ban đầu; (2) nếu phán quyết ban đầu không có sai sót trong việc quyết định các tình tiết nhưng áp dụng pháp luật có sai lầm hoặc hình phạt không phù hợp, Tòa án phải sửa đổi bản án; (3) nếu những tình tiết trong phán quyết ban đầu không rõ ràng hoặc chứng cứ không đầy đủ, Tòa án có thể sửa đổi bản án sau khi điều tra rõ sự việc, hoặc có thể huỷ bản án ban đầu và trả vụ án cho Tòa án đã xét xử ban đầu xét xử lại theo Điều 189 BLTTHS Trung Quốc [31, tr. 51].

Thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự tại Nhật Bản.

Hệ thống pháp luật Nhật Bản là kết quả học hỏi pháp luật phương Tây về mặt hình thức nhưng vẫn giữ được những nét truyền thống của Nhật Bản. Tùy theo từng thời kỳ, Nhật Bản tiếp nhận pháp luật của Pháp, Đức, Mỹ để sáng tạo ra hệ thống pháp luật của riêng mình. Tại các phiên tòa hình sự nói chung, phiên tòa phúc thẩm nói riêng thì nguyên tắc xuyên suốt trong toàn bộ quá trình xét xử tại phiên tòa là nguyên tắc tranh tụng.

Tòa án cấp phúc thẩm sẽ xử lý các kháng cáo đối với phán quyết của tòa cấp dưới, tòa gia đình, tòa gián lược; Tòa án cấp phúc thẩm bao gồm Tòa Koso giải

quyết các bản án sơ thẩm của Tòa cấp huyện, tòa gia đình và Tòa gián lược chưa có hiệu lực pháp luật; Tòa Kokoku giải quyết các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng chưa có hiệu lực pháp luật [30, tr. 121]. Người có quyền kháng cáo là công tố viên, bị can, người có đại diện pháp lý hoặc giám hộ của bị can, người bào chữa. Đối với kháng cáo Kokotu bất kì ai có phán quyết quyết được tuyên có thể kháng cáo. Phạm vi kháng cáo có thể một phần hoặc toàn bộ phán quyết. Đặc biệt trong trường hợp bản án ấn định hình phạt tử hình, tù chung thân, tù khổ sai thì không được quyền từ bỏ kháng cáo.

Đối với kháng cáo Koso

Có thể kháng cáo Koso bản án sơ thẩm của Tòa án quận, tòa gia đình hoặc tòa gián lược trong thời hạn 14 ngày [30, Điều 373, tr. 121]. Người nộp đơn kháng cáo phải nói rõ lý do kháng cáo [30, Điều 376, tr.121]. Việc tuyên bố lý do kháng cáo được quy định tại Điều 377 đến Điều 382, đơn kháng cáo Koso được làm trên cơ sở vi phạm luật và lệnh trong tố tụng, mà việc vi phạm này ảnh hưởng đến phán quyết, các tình tiết khách quan xuất hiện trong hồ sơ tố tụng và những chứng cứ được thẩm tra tại tòa án ban đầu và có đủ lý do để tin có vi phạm xảy ra. Ngoài những lý do trên thì Tòa án sẽ từ chối kháng cáo Koso bằng phán quyết [30, tr. 121-123].

Trong phân tranh luận, chỉ có luật sư được chỉ định là người bào chữa cho bị can và thay mặt bị can tranh luận ở cấp phúc thẩm [30, Điều 388, tr. 124]. Công tố viên và người bào chữa phải tiến hành tranh luận trên cơ sở tuyên bố lý do kháng cáo [30, Điều 389, tr. 124]. Bị can có thể vắng mặt trong phiên tòa phúc thẩm [30, Điều 390, tr. 124-125]; Phạm vi điều tra là các vấn đề được nêu trong tuyên bố lý do kháng cáo [30, Khoản 1 Điều 392, tr. 125] . Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm có thể căn cứ vào chính thẩm quyền của mình điều ra bất kì vấn đề nào liên quan đến các nguyên nhân quy định từ Điều 377 đến Điều 382 và Điều 383, cho dù không được nêu trong tuyên bố lý do kháng cáo [30, Khoản 2 Điều 392, tr. 125]. Nếu phán quyết ban đầu vi phạm pháp luật thì vụ án phải được trả lại hoặc chuyển giao bằng một phán quyết cho tòa án cấp sơ thẩm phù hợp [30, tr. 126-127].

Về việc tuyên án, nếu do bị cáo hoặc người thay mặt bị cáo kháng cáo thì hình phạt được tuyên không nặng hơn so với phán quyết ban đầu [30, Điều 402, tr. 127]. Nếu có kháng cáo về phán quyết của tòa Koso thì kháng cáo lên tòa Jokoku.

Đối với kháng cáo Kokoku

Kháng cáo Kokoku là kháng cáo các quyết định của Tòa án [30, tr. 131]. Kháng cáo Kokoku được thực hiện sau khi có phán quyết trong vòng ba ngày, phải nộp đến Tòa ban đầu nếu thấy kháng cáo có cơ sở thì Tòa án ban đầu phải sửa quyết định. Khi thấy rằng kháng cáo Kokoku toàn bộ hoặc một phần là không có căn cứ thì phải chuyển kháng cáo Kokoku lên tòa kháng cáo Kokoku. Kháng cáo Kokoku bị từ chối nếu không có cơ sở hoặc vi phạm các quy định tại chương IV kháng cáo Kokoku. Không được kháng cáo Kokoku đối với phán quyết của tòa phúc thẩm Kokoku và tòa cấp cao [30, Điều 428, Điều 427, tr. 132].

Có thể nói pháp luật Nhật Bản đương đại là sự kết hợp đặc biệt của hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa với hệ thống pháp luật Anh - Mỹ. Trong nhiều thế kỷ, Nhật Bản đã khôn khéo trong việc học hỏi kinh nghiệm nước ngoài để xây dựng hệ thống pháp luật nước mình. Trong xu thế hội nhập và phát triển chung của thế giới, không một hệ thống pháp luật nào có thể tồn tại và phát triển tách biệt hoàn toàn với hệ thống pháp luật khác, nhưng cần tìm hiểu, nghiên cứu để xem xét, tiếp thu trên cơ sở đánh giá tính phù hợp của các chế định đó với các điều kiện kinh tế, xã hội và chính trị của đất nước. Mô hình tổ tụng hình sự Nhật Bản là kinh nghiệm quý báu cho chúng ta trong việc nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài để xây dựng Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi) phù hợp với điều kiện thực tiễn và truyền thống pháp lý đất nước, có tính khả thi và có hiệu quả cao trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo chân lý khách quan, bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự.

Kết luận chương 1

Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, không chỉ có ý nghĩa làm rõ sự thật khách quan của vụ án mà còn có ý nghĩa bảo đảm quyền con người, bảo đảm công lý, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền. Chương 1 luận văn đã làm rõ một số vấn đề lý luận về phiên tòa phúc thẩm thể hiện ở những khía cạnh sau:

Khái niệm, đặc điểm phiên tòa phúc thẩm; Các chủ thể tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự; Các nguyên tắc tiến hành phiên tòa phúc thẩm hình sự; Ý nghĩa của phiên tòa xét xử hình sự. Phiên tòa phúc thẩm hình sự là hình thức hoạt động xét xử của tòa án khi xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, trong đó Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị nhằm khắc phục sai lầm của Tòa án cấp dưới, đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật, bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Thủ tục xét xử phúc thẩm tại phiên tòa hình sự đã được quy định trong hệ thống pháp luật Việt Nam ngay khi có BLTTHS 1988. Tuy nhiên, do tình hình tội phạm tăng nhanh và phức tạp hơn nên BLHS 1985 được thay thế bằng BLHS 1999, sau đó sửa đổi bổ sung năm 2009, cuối cùng được thay thế bằng BLHS 2015. Do vậy, BLTTHS năm 1988 cũng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp vào năm 2003, cuối cùng là năm 2015 với các quy định cụ thể, rõ ràng và bao quát hơn tạo điều kiện thuận lợi cho việc xét xử tại phiên tòa. Đặc biệt là các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm được quy định thành chương điều riêng làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan áp dụng.

Các nghiên cứu về thủ tục tố tụng hình sự tại phiên tòa phúc thẩm ở Trung Quốc, Nhật Bản, các quy định về tố tụng rất khác biệt với một bên nghiêng về xét hỏi và một bên nghiêng về tranh tụng, ở mỗi hệ thống thì các quy định đều có những ưu – nhược điểm nhất định. Việt Nam là quốc gia có sự kết hợp của cả hai hệ thống pháp luật này nên chúng ta đã kế thừa được các hạt nhân của hai hệ thống pháp luật trong việc ban hành và xây dựng hệ thống pháp luật trong tố tụng hình sự, đó là vận dụng nguyên tắc tranh luận trong toàn bộ quá trình xét xử tại phiên tòa phúc thẩm.

Để nghiên cứu và tìm rõ hơn các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự thì chúng ta cần nghiên cứu sâu hơn về các quy định của pháp luật hiện hành đồng thời cần tìm hiểu thêm về thực trạng áp dụng thực tiễn. Các vấn đề này được nghiên cứu cụ thể tại chương 2.

Chương 2

THỰC TIỄN TIẾN HÀNH PHIÊN TÒA PHỨC THẨM HÌNH SỰ TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

2.1. Tình hình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh.

Bảng 2.1. Thống kê tổng số vụ án hình sự đã xét xử phúc thẩm tại Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến 2017.

NĂM	TỔNG SỐ THỤ LÝ (Vụ/Bị cáo)	ĐÃ XÉT XỬ		KẾT QUẢ XÉT XỬ (BỊ CÁO)					
		Số vụ/Bị cáo	Đạt % (Vụ)	Y án (Vụ)	Sửa án sơ thẩm (Vụ)	Hủy án để điều tra lại (Vụ)	Hủy án để xét xử lại (Vụ)	Hủy và đình chỉ (Vụ)	Tuyên không phạm tội (Vụ)
2013	1.100/2.812	994/2.549	90,36	688	274	17	15	0	0
2014	1.036/2.342	933/2.089	90,06	666	219	30	18	0	0
2015	1.014/2.644	699/1.679	69,13	477	168	41	13	0	0
2016	1.136/3.043	832/2.236	73,24	604	161	60		0	0
2017	983/2.769	688/1.767	69,99	479	147	54		1	0
Cộng	5.269/13.610	4.146/10.320	78,72	2.914	969	202	60	1	0

Nguồn: Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh.

2.1.1. Tình hình thụ lý.

Từ bảng thống kê cho thấy số lượng án hình sự phúc thẩm được thụ lý hàng năm tăng giảm không đồng đều, thấp nhất là 2017 số vụ án hình sự phúc thẩm do Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh thụ lý là 983/2.769 (vụ/bị cáo); cao nhất là năm 2016 số vụ án hình sự phúc thẩm được thụ lý là 1.136/3.043 (vụ/bị cáo).

2.1.2. Kết quả xét xử.

Xem xét trên bảng thống kê cho thấy số lượng vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm tương đối chiếm 78,72% trong đó phần lớn là y án chiếm 70,28% ; sửa án sơ thẩm chiếm 23,37%; hủy án để điều tra lại chiếm 4,87%; hủy án để xét xử lại chiếm 1,45%; hủy và đình chỉ điều tra chỉ có 1 vụ/4.146 vụ đưa ra xét xử. Số liệu trên cho thấy việc xét xử sơ thẩm của tòa án cấp dưới đã đáp ứng yêu cầu về chất lượng, về việc tuân theo quy định của pháp luật về luật nội dung cũng như các quy định về pháp luật tố tụng hình sự. Do đó tình trạng y án là chiếm đa số các vụ án đưa ra xét xử, chỉ một số là sửa án sơ thẩm, rất ít việc hủy án để điều tra lại hoặc xét xử lại, chỉ có duy nhất một vụ là hủy và đình chỉ.

2.2. Thực tiễn tiến hành phiên tòa phúc thẩm hình sự tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh.

2.2.1. Thủ tục bắt đầu phiên tòa.

Phiên tòa phúc thẩm được tiến hành công khai (trừ trường hợp xét xử kín) và phải tuân thủ các nguyên tắc mà pháp luật quy định. Vì thế mà thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm được đánh giá là cần thiết cho phiên tòa phúc thẩm.

Công tác chuẩn bị cho phiên tòa phúc thẩm được coi là công việc cần thiết để phiên tòa phúc thẩm hình sự đạt kết quả tốt nhất, giúp cho HĐXX nắm bắt, bao quát được tình hình để giải quyết tiếp tục hay tạm ngừng phiên tòa, giúp cho những người tham gia tố tụng biết được nội quy phiên tòa, những việc được làm, không được làm để từ đó làm cho phiên tòa phúc thẩm đạt kết quả tốt nhất, đảm bảo tính uy nghiêm.

Khoản 1 Điều 256 Nội quy phiên tòa quy định mọi người trong phòng xử án phải đứng dậy khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án [10, Điều 256, tr. 229]. Quy định này áp dụng cả phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm. Nghi lễ tương chừng như đơn giản này lại thực sự cần thiết nếu hiểu được ý nghĩa của nó bởi nó biểu thị sự tôn trọng tòa án, tôn trọng HĐXX, mở đầu cho một phiên tòa uy nghiêm, có hiệu quả. Tuy nhiên thủ tục này tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh trong một số phiên tòa không được thực hiện nghiêm chỉnh, khi thư ký tòa án phở biến xong

nội quy phiên tòa, mời HĐXX vào phòng xử án và yêu cầu mọi người đứng dậy nhưng tình trạng xảy ra là vẫn có người ngồi tại chỗ, mất trật tự, cười nói. Trong trường hợp này vai trò của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa thể hiện rõ nét bởi khi HĐXX vào phòng xử án, chủ tọa phiên tòa là người điều khiển phiên tòa, do đó trách nhiệm là thuộc về chủ tọa phiên tòa phải yêu cầu mọi người phải nghiêm túc, giữ gìn trật tự. Đôi khi nhiều phiên tòa phúc thẩm chủ tọa phiên tòa cũng cho qua nhanh chóng và lầy lệ. Điều này làm cho sự uy nghiêm của phiên tòa phúc thẩm giảm đi đáng kể, ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình xét xử tại tòa án cấp phúc thẩm. Thực tế có nhiều vụ án phức tạp mà việc tuyên án tại phiên tòa sơ thẩm gây bức xúc cho người bị hại, dẫn đến các hành vi gây rối và ảnh hưởng đến sự tôn nghiêm của phiên tòa, đến hoạt động bình thường của phiên tòa ngay từ khi HĐXX bắt đầu vào việc. Đối với các trường hợp này thì thẩm quyền thuộc về Chủ tọa phiên tòa. Nếu sự vi phạm ở mức độ không nghiêm trọng thì chỉ cần sự nhắc nhở của Chủ tọa phiên tòa: “đề nghị mọi người trong HĐXX giữ gìn trật tự để HĐXX làm việc”. Trong trường hợp cần thiết mà tại thủ tục này xảy ra các tình huống phức tạp thì chủ tọa phiên tòa phải yêu cầu cảnh sát hỗ trợ tư pháp bảo vệ phiên tòa thi hành lệnh của Chủ tọa phiên tòa buộc người vi phạm rời khỏi phòng xử án hoặc bị bắt giữ.

Khi vụ án có đông bị cáo sẽ gây khó khăn cho phần thủ tục phiên tòa; ví dụ: vụ án Văn Tiến Tú và đồng bọn (gồm 16 bị cáo) ... Vì thế để phần thủ tục bắt đầu phiên tòa được thuận lợi, khâu chuẩn bị hồ sơ, kiểm tra căn cước của những chủ thể này phải được Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa nghiên cứu kỹ, lập danh sách để Thư ký kiểm tra sự có mặt của họ và sắp xếp chỗ ngồi sao cho hợp lý. Thực tiễn tại Tòa án cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (gồm 23 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) các Thư ký đã biết cách yêu cầu công an dẫn giải sắp xếp cho các bị cáo ngồi theo thứ tự tên như bản án hoặc quyết định sơ thẩm hay sắp xếp theo nhóm tội. Điều này một mặt giúp cho họ trả lời những câu hỏi của HĐXX, KSV, Luật sư được rõ ràng, mặt khác tránh việc sau này chủ tọa tra lý lịch sót và các bị cáo không bị lộn xộn khi bước vào vành móng ngựa để trả lời.

Việc yêu cầu Thư ký phiên tòa báo cáo kết quả triệu tập những người đến phiên tòa không được thực hiện triệt để, nhất quán. Có thể trong cùng một Tòa án,

cùng một Thẩm phán xét xử nhưng có phiên tòa Thẩm phán hỏi vấn đề này (nếu thấy vụ án phức tạp), có phiên tòa thì không (nếu thấy đơn giản, ít người tham dự phiên tòa).

Một nội dung nữa là việc kiểm tra căn cước của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa là một quy định vô cùng quan trọng và có ý nghĩa. Thông qua việc kiểm tra này, HĐXX xác định xem có phải đúng bị cáo được trích xuất ra phiên tòa hay không? Những người tham gia phiên tòa có phải đúng là người được tòa án triệu tập? Thực tiễn xét xử cho thấy có trường hợp bị cáo bị trích xuất ra phiên tòa không đúng với bị cáo đã được tòa án quyết định đưa vụ án xét xử. Có thể lấy ví dụ để thấy tầm quan trọng của việc kiểm tra căn cước của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hình sự: Vụ án Nguyễn Vĩnh Trường Sơn phạm tội “Giết người” như sau:

Bị cáo Nguyễn Vĩnh Trường Sơn (sinh năm 1973; cư trú: ấp Trường An, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; Theo bản án hình sự sơ thẩm số 46/2015/HSST ngày 02/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tuyên bố bị cáo Nguyễn Vĩnh Trường Sơn phạm tội “Giết người” và xử phạt bị cáo Nguyễn Vĩnh Trường Sơn 13 năm tù. Bị cáo Nguyễn Vĩnh Trường Sơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù. Trong bản lý lịch bị can được công an tỉnh Sóc Trăng xác nhận bố bị cáo tên Nguyễn Vĩnh Trường nhưng tại phiên tòa bị cáo cam đoan tên cha bị cáo tên Nguyễn Vĩnh Trường. Chủ tọa phiên tòa nhanh trí hỏi “Hôm nay gia đình bị cáo Nguyễn Vĩnh Trường Sơn có ai tham dự phiên tòa không? Lúc này bố bị cáo giao tay xin đứng dậy phát biểu (mặc dù ông không được triệu tập nhưng khi đi thăm bị cáo tại trại giam Công an tỉnh Sóc Trăng, ông đã được biết thời gian mở phiên tòa và đến dự). Ông khẳng định ông là Nguyễn Vĩnh Trường và là bố của bị cáo. Do đó HĐXX quyết định hoãn phiên tòa. Hay cũng có những trường hợp chủ tọa phiên tòa quên không kiểm tra căn cước của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến khi được KSV hay Thư ký phiên tòa nhắc mới tiến hành kiểm tra căn cước của họ. Việc thực hiện qua loa của chủ tọa phiên tòa dẫn đến hậu quả phải hoãn phiên tòa, gây tâm lý không tốt cho nhân dân đối với đội ngũ cán bộ tòa án, thiệt hại kinh tế, thời

gian và các hệ quả không đáng có.

2.2.2. Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa.

2.2.2.1. Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa.

Theo Điều 354 BLTTHS 2015 thì thủ tục tranh tụng tại tòa bao gồm thủ tục xét hỏi và thủ tục tranh luận được tiến hành như phiên tòa sơ thẩm. Thực tế cho thấy việc xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm hình sự nói chung, phiên tòa phúc thẩm hình sự nói riêng thường do chủ tọa phiên tòa tiến hành.

Bên cạnh đó không có một điều luật nào cũng như một văn bản nào hướng dẫn cụ thể phạm vi của việc xét hỏi của HĐXX phúc thẩm. Căn cứ vào tính chất của xét xử phúc thẩm thấy rằng việc xét hỏi của HĐXX chỉ trong phạm vi nội dung kháng cáo, kháng nghị và các nội dung liên quan đến kháng cáo, kháng nghị chứ không phải toàn bộ nội dung vụ án, trừ trường hợp cần thiết có thể tiến hành xét hỏi đối với toàn bộ vụ án (tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kêu oan). Tuy nhiên không phải phiên tòa phúc thẩm hình sự nào HĐXX cũng nhận thức và thực hiện đúng thủ tục xét hỏi như trên. Thực tiễn xét xử tại phiên tòa phúc thẩm hình sự của tòa án cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh cho thấy việc xét hỏi tràn lan, không đúng trọng tâm của nội dung kháng cáo, kháng nghị mà lại tiến hành xét hỏi đến toàn bộ nội dung vụ án dẫn đến tình trạng xét hỏi không mang lại hiệu quả vẫn còn tồn tại.

Khi xét hỏi từng người, Chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Thẩm phán, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người giám định nên thực tiễn xét xử nói chung tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh thấy rằng, HĐXX và nhất là chủ tọa phiên tòa thực hiện việc xét hỏi một cách quá tích cực, thậm chí hầu như toàn bộ vụ án chứ không chỉ nằm trong phạm vi kháng cáo, kháng nghị. Vai trò của Kiểm sát viên và Luật sư... có phần mờ nhạt.

BLTTHS 2015 không quy định nào buộc Kiểm sát viên có trách nhiệm xét hỏi, làm rõ các tình tiết của vụ án tại phiên tòa phúc thẩm mà lại quy định trách nhiệm này thuộc về HĐXX. Vì thế dẫn đến tình trạng Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thụ động “nhường” toàn bộ phần thẩm vấn cho HĐXX. Hầu hết trên thực tế tại

các phiên tòa phúc thẩm hình sự khi Chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên có hỏi gì không, Kiểm sát viên thường trả lời “Hội đồng xét xử đã xác định rõ các tình tiết của vụ án nên đại diện Viện kiểm sát không hỏi gì thêm”. Đặt gánh nặng lên vai của HĐXX vì HĐXX vừa phải làm rõ các tình tiết liên quan đến kháng cáo, kháng nghị vừa phải điều hành việc hỏi đồng thời làm mất đi vai trò của một vị “trọng tài” công bằng, không thiên vị, đứng giữa nghe các bên tham gia tranh tụng để có những nhận định đúng đắn, chính xác về các vấn đề được xét hỏi tại phiên tòa. Hậu quả của sự tích cực trong quá trình xét hỏi của HĐXX tạo ra cho những người có mặt tại phiên tòa nghi ngờ là Tòa án thiên về buộc tội – cơ quan truy tố, VKS đã truy tố người đó thì phải chịu tội.

Thực trạng trên còn tồn đọng là do sự thụ động của KSV, phần khác do tâm lý của rất nhiều KSV – đại diện cơ quan công tố rất ngại nếu như qua việc xét hỏi phát hiện nhiều tình tiết mới sẽ phải dẫn đến hoãn phiên tòa hay trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Ngoài ra, do BLTTHS quy định KSV hỏi sau HĐXX vì vậy những tình tiết đã được HĐXX hỏi trước rồi nên KSV không cần hỏi gì thêm.

Cần tăng cường sự chủ động trong xét hỏi cho các KSV. Bởi lẽ, KSV là người đại diện cho cơ quan công tố buộc tội bị cáo do đó trong việc xét hỏi tại tòa cần chủ động hơn, đóng vai trò chính, HĐXX chỉ nên điều hành việc xét hỏi, lắng nghe, tập trung đánh giá ý kiến của các bên, đánh giá các chứng cứ của vụ án liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị qua đó có cơ sở để giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện và đúng đắn.

2.2.2.2. Thủ tục tranh luận tại phiên tòa.

Điều 354 BLTTHS 2015 quy định thủ tục phiên tòa phúc thẩm được tiến hành như phiên tòa sơ thẩm. Theo đó sau khi kết thúc việc xét hỏi, chủ tọa phiên tòa hỏi những KSV và những người tham gia tố tụng xem họ có yêu cầu xét hỏi vấn đề gì nữa không, nếu không có yêu cầu xét hỏi thì kết thúc việc xét hỏi và yêu cầu KSV trình bày lời luận tội đối với bị cáo.

Trong trường hợp luận tội của đại diện Viện kiểm sát xuất phát từ diễn biến tại phiên tòa mà có những thay đổi so với bản cáo trạng thì phải nêu lý do của việc

thay đổi đó; nếu Kiểm sát viên chưa nêu lý do về việc thay đổi, thì chủ tọa phiên tòa phải yêu cầu Kiểm sát viên trình bày lý do của việc thay đổi đó. Bởi lẽ, Điều luật quy định Kiểm sát viên phải trình bày lời luận tội, chứ không phải đọc lời luận tội chuẩn bị trước. Quy định này, bắt buộc lời luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào diễn biến của phiên tòa để có quan điểm luận tội một cách khách quan, trung thực. Còn việc đọc bản luận tội chuẩn bị trước thì không bao giờ có thể đúng với diễn biến thực tiễn của phiên tòa và chỉ thể hiện ý chí áp đặt chủ quan của Kiểm sát viên đối với bị cáo và các đương sự khác. Tuy nhiên, khi trình bày lời luận tội trong trường hợp giữ nguyên hay thay đổi khác với bản Cáo trạng thì nội dung luận tội cũng phải thể hiện được đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Đề nghị kết tội theo toàn bộ Cáo trạng hay một phần của bản Cáo trạng hoặc đề nghị xét xử bị cáo theo một tội nhẹ hơn hoặc khung hình phạt nhẹ hơn thì cũng cần phải phân tích rõ các lý do trong phần luận tội...

Với chủ trương Tòa án là Trung tâm, xét xử là trọng tâm, bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung nhiều quy định để bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, cụ thể:

Theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến đồng thời đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với Kiểm sát viên về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. BLTTHS năm 2015 cho

phép bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền đưa ra đề nghị của mình.

Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác.

Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại. Chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận.

Một lưu ý là hội đồng xét xử phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì Hội đồng xét xử phải nêu rõ lý do và được ghi trong bản án.

Vụ án Nguyễn Văn Thủy, sinh năm 1967. Hộ khẩu thường trú: số 8, Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” (chưa đạt) theo Điều 135 BLTTHS 2003.

Phạm Văn Long có quan hệ mua bán mũ cao su với bà Huỳnh Thị Thu Thiện. Do thua lỗ trong kinh doanh, ông Long vi phạm hợp đồng và phải trả cho bà Thiện số tiền 800.000.000 đồng theo Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 32/2012/KDTM- PT ngày 09/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Ngày 23/11/2012, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng có Quyết định thi hành án số 234/QĐ-CCTHA thi hành án đối với bản án nói trên. Vì có quen biết với Nguyễn Văn Thủy nên bà Thiện nói cho Thủy nghe về việc ông Long nợ tiền, tuy đã có bản án của Tòa án nhưng ông Long vẫn chưa chịu trả tiền. Nghe vậy, Thủy có ý định muốn thu hồi nợ giúp Thiện nên kêu Thiện làm giấy ủy quyền để Thủy đến huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tìm ông Long đòi tiền. Ngày 04/12/2013, bà

Thiện gặp Nguyễn Văn Thủy và viết giấy tay ủy quyền để Thủy đi đòi nợ giúp cho bà Thiện (các bút lục 07, 21, 34, 42).

Để thực hiện việc đòi nợ, ngày 08/12/2013, Thủy rủ Dương Xuân Tịnh (là tài xế lái xe cho Công ty taxi Vinasun) đến xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng chơi, nghe Thủy rủ đi chơi thì Tịnh đồng ý. Thủy và Tịnh đến huyện Dầu Tiếng nhưng không gặp được ông Long nên Thủy gửi lại số điện thoại của Thủy cho người chủ quán nước ở gần nhà ông Long và nhờ nói với ông Long gọi điện cho Thủy vì Thủy muốn làm ăn mua bán mũ cao su với ông Long rồi đi về. Khi Thủy và Tịnh đang trên đường về Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Long điện thoại cho Thủy thì Thủy nói không phải đến để hợp tác làm ăn mà đến để đòi tiền ông Long nợ bà Thiện. Thủy hăm dọa đã biết nhà và gia đình của Long, đồng thời yêu cầu ông Long phải nhanh chóng trả nợ nếu không cả gia đình ông Long sẽ không được yên ổn.

Ngày 10/12/2013, Thủy cùng bà Thiện tiếp tục đến nhà tìm ông Long nhưng ông Long sợ, né tránh, không gặp mặt nên Thủy và bà Thiện đến nhà mẹ của ông Long và nhắn lại nếu ông Long về thì kêu ông Long trả tiền cho Thủy. Khi Thủy về đến Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì Long gọi điện thoại cho Thủy. Lúc này, Thủy liên tục chửi bới đe dọa nếu ông Long không trả tiền thì Thủy sẽ giết ông Long và giết cả gia đình ông Long và những ngày sau đó, Thủy nhiều lần điện thoại và nhắn tin đe dọa ông Long, yêu cầu ông Long phải trả số tiền 800.000.000 đồng.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/12/2013, Thủy và Tịnh sử dụng xe mô tô biển số 51T6-7294 đến Cơ sở Chế biến Mũ cao su Hồng Thanh thuộc ấp Đồng sến, xã Định An, huyện Dầu Tiếng để gặp ông Long đòi tiền nợ. Khi đến nơi, Tịnh ngồi uống cà phê ở bên ngoài, còn Thủy vào bên trong để gặp ông Long đòi tiền. Thủy lớn tiếng chửi bới, yêu cầu ông Long trả nợ nên ông Long cũng chửi lại thì Thủy lấy một con dao xếp bằng kim loại màu trắng hăm dọa thì bị lực lượng Công an huyện Dầu Tiếng phát hiện lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang.

Ngoài ra, người bị hại Phạm Văn Long còn giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương 01 đĩa CD hiệu KACHI ghi âm nội dung những cuộc điện thoại giữa Thủy và ông Long thể hiện lời lẽ Thủy đe dọa ông Long.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 4605/C45(P2) ngày 03/12/2014 của Viện Khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: Tiếng nói của người đàn ông tự xưng "Thủy" được gọi là "anh" trong: Track01.cda; track02.cda; track03.cda; track04.cda; track05.cda; track06.cda; track07.cda; track08.cda; track09.cda; track 12.cda; track13.cda ghi âm trong đĩa CD hiệu KACHI và tiếng nói của Nguyễn Văn Thủy được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương ghi âm tại buổi làm việc ngày 06/11/2014 là cùng một người.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2015/HSST ngày 23/7/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã áp dụng Điều a, khoản 4, Điều 135; Điều 18; Khoản 2, Điều 46; Khoản 3, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thủy: 08 (tám) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" (chưa đạt).

Ngày 27/7/2015, bị cáo Nguyễn Văn Thủy, kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và trả lại sự công bằng cho bị cáo.

Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Thủy kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyễn Văn Thủy kêu oan. Ngày bị cáo bị bắt do Long chủ động hẹn bị cáo đến trả nợ, Long có nợ bà Thiện, bà Thiện đã ủy quyền cho bị cáo đòi nợ theo bản án nhưng khi đến nơi Long không trả tiền, bị cáo có lớn tiếng thì bị Công an bắt.

Phải xác định trách nhiệm chứng minh tội phạm là của cơ quan buộc tội – Viện kiểm sát, do khi Nguyễn Văn Thủy kêu oan thì trong phần xét hỏi Kiểm sát viên phải làm rõ về hành vi phạm tội bằng việc xét hỏi đối với bị cáo Thủy. HĐXX sau khi nghe Kiểm sát viên xét hỏi yêu cầu bị cáo trình bày về hành vi phạm tội của mình và hỏi toàn bộ các vấn đề, các tình tiết của vụ án chứ không trong phạm vi nội dung kháng cáo nữa. Tuy nhiên, trong phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thụ động "nhường" toàn bộ phần thẩm vấn cho HĐXX. Ngoài ra, do BLTTHS quy định Kiểm sát viên hỏi sau HĐXX, vì vậy những tình tiết của vụ án đã được HĐXX hỏi trước rồi nên Kiểm sát viên không cần hỏi gì thêm.

Trong nội dung kháng cáo của bị cáo Thủy chỉ kháng xin giảm nhẹ hình phạt và trả lại sự công bằng cho bị cáo, tuy nhiên tại phiên tòa phát sinh tình tiết mới là bị cáo kêu oan do đó HĐXX phải xem xét toàn diện vụ án. Tại phiên tòa, HĐXX

tạo điều kiện cho các bên tranh luận và xem xét, đánh giá toàn bộ chứng cứ, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, qua việc thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa cùng với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở buộc tội bị cáo. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. HĐXX quyết định chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Thủy. Áp dụng Khoản 1, Điều 135; Khoản 2, Điều 46) Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thủy 4 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (Chưa đạt).

Đối với vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì người bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 BLTTHS nhưng BLTTHS không quy định cụ thể người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội vào lúc nào. Việc trình bày lời buộc tội phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tức là theo trình tự phát biểu khi tranh luận tại phiên tòa quy định tại Điều 320 của BLTTHS.

Quy định tại Điều 320 là quy định dành cho thủ tục phiên tòa sơ thẩm, trên cơ sở buộc tội của VKS để tiến hành xét hỏi cũng như tranh luận. Tuy nhiên, nếu áp dụng tương tự vào phiên tòa phúc thẩm là không hoàn toàn hợp lý. Cơ sở cho việc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm là kháng cáo, kháng nghị hợp pháp, vì vậy, chủ thể kháng cáo, kháng nghị phải là người trình bày ý kiến của mình bắt đầu quá trình tranh luận tại phiên tòa. Nếu VKS không kháng nghị mà bị cáo kháng cáo thì bị cáo phải được phát biểu đầu tiên. Vì thế nên xác định trình tự phát biểu căn cứ vào chủ thể kháng cáo, kháng nghị mà không phải luôn theo thủ tục KSV trình bày luận tội.

2.2.3. Nghị án và tuyên án.

Thực tiễn tại phiên họp nghị án, HĐXX chỉ thảo luận thông qua bản dự án, còn bản dự án chính được hoàn thiện và các thành viên HĐXX ký ban hành sau khi phiên tòa kết thúc trên cơ sở biên bản nghị án đã được kí ngay tại phòng nghị án. Do vậy, đó cũng là lý do để xem lại hướng dẫn này về phần nghị án để đảm bảo phán quyết của tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người

bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để đưa ra bản án, quyết định đúng pháp luật.

Bên cạnh đó hầu hết các biên bản nghị án đều đã được thẩm phán – chủ tọa phiên tòa chuẩn bị từ trước chứ không phải trong quá trình nghị án mới viết biên bản này, có thể hoàn thành sau khi phiên tòa kết thúc trên cơ sở biên bản nghị án được các thành viên HĐXX thông qua. Tuy nhiên trong quá trình nghị án cũng có những sai lầm đáng tiếc và rất hi hữu xảy ra. Đó là hậu quả của việc chuẩn bị từ trước Biên bản nghị án, chủ tọa phiên tòa cũng như các thành viên của HĐXX chủ quan không kiểm tra dẫn đến việc hủy án của Tòa án cấp trên.

Vụ án Nguyễn Thành Tâm cùng đồng bọn phạm tội trộm cắp tài sản là một ví dụ cụ thể:

Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 11/5/2016, bị cáo Nguyễn Thành Tâm thực hiện 7 vụ trộm cắp xe máy. Tâm nhờ Tùng tiêu thụ 3 chiếc xe máy nêu trên. Các xe máy khác, Tâm nhờ Nguyễn Quốc Duy, Nguyễn Xuân Thủy, Nguyễn Văn Thành tiêu thụ.

Ngày 26/10/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Tại bản án số 291/2016/HSST ngày 26/10/2016, TAND tỉnh Long An căn cứ Khoản 1 Điều 250; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm o, p Khoản 1 Điều 46 BLHS. Xử phạt Nguyễn Quang Tùng 12 tháng tù tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Được trù 22 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam. Tịch thu xung công của Nguyễn Quang Tùng 900.000 đồng. Xác nhận Tùng đã nộp 850.000 đồng.

Bản án tuyên phạt Nguyễn Thành Tâm về tội trộm cắp tài sản; Vũ Quốc Duy, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Xuân Thủy bị phạt về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Ngày 28/10/2016, Nguyễn Quang Tùng kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 12/01/2017, Nguyễn Quang Tùng kháng cáo bổ sung xin hưởng án treo.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ Khoản 1 Điều 250; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm b, o,

p Khoản 1 Điều 46, Khoản 1, 2 Điều 60 BLHS đã tuyên phạt Nguyễn Quang Tùng 12 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Được trừ 22 ngày tạm giữ, tạm giam, còn phải thi hành 11 tháng 8 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 22 tháng 6 ngày, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm đã được thi hành. Tuy nhiên trong quá trình giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao đã phát hiện sai sót trong quá trình nghị án của tòa án cấp phúc thẩm. Biên bản nghị án khi biểu quyết về phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Quang Tùng là 5/5 thành viên mà thực tế chỉ có 3/3 thẩm phán thành viên HĐXX. Lỗi này là do sự sai sót trong quá trình in ấn và đánh máy mà các Chủ tọa phiên tòa và các thành viên không kiểm tra kỹ càng khi ký biên bản. Do đó bản án này đã bị tòa án nhân dân tối cao hủy vì đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Đây là sai lầm không đáng có do lỗi chủ quan không kiểm tra kỹ các văn bản tố tụng của HĐXX.

Nói chung về cơ bản thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự đã được các thẩm phán nhận thức và thực hiện tương đối đầy đủ. Đã thể hiện được tinh thần của BLTTHS và đáp ứng phần nào các yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta. Phiên tòa hình sự phúc thẩm đã đảm bảo sự tham gia của những người tham gia tố tụng, tại phiên tòa quyền và nghĩa vụ tố tụng của những người tham gia phiên tòa được quy định và được đảm bảo thực hiện đầy đủ nhất bằng thủ tục tố tụng trực tiếp, công khai. Hơn thế, qua các phiên tòa đã thực hiện được mục tiêu tuyên truyền, giáo dục pháp luật đóng góp rất lớn trong việc thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục địa phương.

2.3. Những bất cập, hạn chế trong thực tiễn tiến hành thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự.

2.3.1. Những bất cập, hạn chế.

Bên cạnh những kết quả như trên, quá trình tổ chức phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự còn tồn tại không ít những bất cập, hạn chế, chưa phúc đáp được những yêu cầu và mục tiêu của TTHS cũng như công cuộc cải cách tư pháp ở nước

ta hiện nay. Qua nghiên cứu thực tiễn phiên tòa xét xử, nhận thấy vẫn còn có những hạn chế, vướng mắc như sau:

Bắt cập của BLTTHS hiện hành về thủ tục phiên tòa phúc thẩm hình sự.

Thứ nhất, Bộ luật TTHS 2015 quy định tại Điều 303, 304 về trách nhiệm cam đoan làm tròn nghĩa vụ của người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định, người định giá tài sản, người làm chứng nhưng chưa quy định cụ thể, rõ ràng cần quy định thêm về hình thức, thủ tục thực hiện như tuyên thệ trước tòa hoặc ký xác nhận cam đoan...nhằm nâng cao trách nhiệm tôn trọng sự thật của các chủ thể này.

Thứ hai, về thủ tục tranh tụng tại tòa.

Điều 305 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Chủ tọa phiên tòa phải hỏi kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem ai có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét hay không”. Quy định này nhằm bảo đảm sự bình đẳng trước Tòa án giữa đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng trong việc giải quyết các yêu cầu, cung cấp nguồn chứng cứ cũng như đưa ra chứng cứ trực tiếp. Tuy nhiên, yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét chỉ được giải quyết khi tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa nhưng lại không được quy định trong phần thủ tục tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, khi vụ án đang tiến hành thủ tục tranh tụng mà người tham gia tố tụng muốn yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét thì lại không có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

Theo quy định hiện hành, thì việc xét hỏi tại phiên tòa được thực hiện chủ yếu bởi hội đồng xét xử. Điều này cho thấy rằng HĐXX phúc thẩm cũng như cấp sơ thẩm thực hiện quá nhiều nhiệm vụ ở giai đoạn này dẫn đến sự quá tải với chủ tọa phiên tòa, điều này làm hạn chế tính tích cực chủ động của KSV cũng như người bào chữa trong quá trình xác minh những nội dung liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Việc xét hỏi nhằm làm rõ những tình tiết liên quan đến vụ án bị kháng cáo, kháng nghị lại không phải là nhiệm vụ chính của Viện kiểm sát mà phụ thuộc vào

hội đồng xét xử. Quy định như trên là không hợp lý, vì Viện kiểm sát thực hiện chức năng buộc tội nên tại phiên tòa, kiểm sát viên phải thực hiện việc xét hỏi để bảo vệ sự buộc tội đó, người bào chữa thực hiện chức năng gỡ tội, nên họ được thực hiện việc xét hỏi để bào chữa cho bị cáo. Trong khi đó, Tòa án đóng vai trò “trung gian”, chỉ xét xử và ra phán quyết đối với phần vụ án bị kháng cáo, kháng nghị. Vì vậy, trách nhiệm xác định các tình tiết buộc tội thuộc về Viện kiểm sát; trách nhiệm xác định các tình tiết gỡ tội thuộc về người bào chữa bị cáo; trách nhiệm xác định đầy đủ, khách quan các tình tiết buộc tội cũng như gỡ tội thuộc về Tòa án. Cho nên, khi tiến hành thủ tục xét hỏi, hội đồng xét xử chỉ lắng nghe và chủ tọa phiên tòa chỉ giữ quyền điều hành phiên tòa, quyết định cho ai hỏi ai, duy trì thời gian hỏi và có quyền cắt các ý kiến các câu hỏi không đúng trọng tâm. Hội đồng xét xử không được có những lời lẽ khẳng định hay phủ định bất cứ một vấn đề nào mà các bên tham gia tranh tụng nêu ra, cũng như không được đánh giá, nhận xét đúng sai ngay tại phiên tòa. Bởi lẽ, chức năng của Tòa án là xét xử thông qua việc xét hỏi, nghe các bên tranh luận, hội đồng xét xử sẽ đưa ra phán quyết khách quan, đúng pháp luật. Việc hội đồng xét xử thể hiện quan điểm ngay tại phiên tòa sẽ ảnh hưởng đến việc tranh tụng giữa các bên, làm giảm hiệu quả tranh luận.

Đối với vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì người bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 BLTTHS nhưng BLTTHS không quy định cụ thể người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội vào lúc nào. Việc trình bày lời buộc tội phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tức là theo trình tự phát biểu khi tranh luận tại phiên tòa quy định tại Điều 320 của BLTTHS.

Quy định tại Điều 320 là quy định dành cho thủ tục phiên tòa sơ thẩm, trên cơ sở buộc tội của VKS để tiến hành xét hỏi cũng như tranh luận. Tuy nhiên, nếu áp dụng tương tự vào phiên tòa phúc thẩm là không hoàn toàn hợp lý. Cơ sở cho việc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm là kháng cáo, kháng nghị hợp pháp, vì vậy, chủ thể kháng cáo, kháng nghị phải là người trình bày ý kiến của mình bắt đầu quá trình tranh luận tại phiên tòa. Nếu VKS không kháng nghị mà bị cáo

kháng cáo thì bị cáo phải được phát biểu đầu tiên. Vì thế nên xác định trình tự phát biểu căn cứ vào chủ thể kháng cáo, kháng nghị mà không phải luôn theo thủ tục KSV trình bày luận tội.

Điều 352 BLTTHS 2015 không quy định về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam trong trường hợp hoãn phiên tòa phúc thẩm. Có thể dẫn tới sự tùy nghi trong việc thực hiện quy định trên.

Bất cập từ cơ cấu tổ chức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

Ngoài những bất cập của pháp luật thì hạn chế do con người (năng lực, trình độ chuyên môn) của chủ tọa phiên tòa, Thẩm phán, KSV chưa giỏi, chưa sâu là nguyên nhân chính dẫn đến bản án, quyết định của Tòa án phúc thẩm bị Tòa án tối cao hủy, sửa. Bên cạnh đó, hoạt động tranh tụng tại tòa chỉ mang tính hình thức, chưa đáp ứng được yêu cầu tố tụng đặt ra theo Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/01/2002 là bản án, quyết định của Tòa án là dựa trên kết quả tranh tụng tại tòa [4, tr. 2].

2.3.2. Nguyên nhân của các bất cập, hạn chế.

- Nguyên nhân về pháp luật và hướng dẫn thực hiện pháp luật.

Thực tế hệ thống pháp luật ở nước ta hiện nay về thủ tục tố tụng tại phiên tòa hình sự phúc thẩm còn chưa rõ ràng dẫn đến hệ quả tùy nghi trong quá trình áp dụng pháp luật. Thủ tục phiên tòa phúc thẩm được quy định tại Khoản 1 Điều 345 BLTTHS 2015 “Thủ tục bắt đầu phiên tòa và thủ tục tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm được tiến hành như phiên tòa sơ thẩm...”[14, Điều 345, tr. 161]. Xét về bản chất cũng như nhiệm vụ và phạm vi của hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm thì thấy rằng không thể áp dụng tất cả các quy định của phiên tòa sơ thẩm cho thủ tục phiên tòa phúc thẩm. Nói cách khác, không phải mọi quy định về trình tự phiên tòa sơ thẩm đều có thể áp dụng cho phiên tòa phúc thẩm.

Hiện nay tồn tại một thực tế là việc áp dụng thủ tục phiên tòa phúc thẩm về mặt lý luận (văn bản pháp luật) luôn luôn phải dẫn chiếu tới các quy định của phiên tòa sơ thẩm, để đối chiếu so sánh, áp dụng cho phù hợp với nhiệm vụ của phiên tòa

phúc thẩm. Điều này gây ra sự bất lợi và tùy ý trong thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự. Do đó cần thiết phải quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm tại các điều luật cụ thể hơn trong Bộ luật tố tụng hình sự mới có thể đáp ứng được các yêu cầu thực tế của hoạt động xét xử phúc thẩm.

- Nguyên nhân về con người

Đội ngũ Thẩm phán nhiều người chưa được chuẩn bị đầy đủ về kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu cải cách tư pháp, chưa kịp thời đổi mới tư duy và phương pháp công tác nên việc thực hiện chức năng xét xử tại phiên tòa vẫn theo "nếp cũ". Mặt khác, do cơ chế làm việc, sự hạn chế về trình độ nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán nên nguyên tắc "Khi xét xử Thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" chưa có tính khả thi cao trên thực tế. Việc xét hỏi tại phiên tòa chưa thực sự đổi mới theo tinh thần cải cách tư pháp của Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW mà chủ yếu vẫn do HĐXX (chủ tọa phiên tòa) thực hiện nên chưa phát huy được vai trò tích cực, chủ động của Kiểm sát viên, luật sư và những người tham gia tố tụng khác trong xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa để làm sáng tỏ các tình tiết, các chứng cứ, tài liệu về vụ án. Trong nhiều phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa còn lúng túng trong xử lý tình huống, chưa chủ động điều khiển quá trình tranh luận, đối đáp của các bên, nhất là đối với các vụ án có đông bị cáo và nhiều luật sư tham gia nên mặc dù thời gian tranh luận kéo dài nhưng chất lượng luận tội và bào chữa không cao, việc tranh luận, đối đáp của các bên không đi vào trọng tâm các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của một số Kiểm sát viên còn hạn chế nên không phát hiện kịp thời các vi phạm tố tụng trong giai đoạn điều tra. Việc xét hỏi và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa vẫn là khâu yếu ở cấp sơ thẩm (nhất ở cấp huyện). Hiện nay, một số Kiểm sát viên vẫn có quan niệm không đúng cho rằng, việc xét hỏi tại phiên tòa là trách nhiệm của HĐXX, còn Kiểm sát viên chỉ có nhiệm vụ bảo vệ cáo trạng và kiểm sát việc tuân theo pháp luật, nên không tích cực tham gia xét hỏi; nội dung xét hỏi trùng lặp với nội dung đã được HĐXX xét hỏi; việc đưa ra chứng cứ, lập luận bảo vệ quan điểm truy tố trong nhiều vụ án chưa có sức thuyết phục, chất lượng luận tội và đối đáp còn hạn chế, lúng

túng trước các tình huống phát sinh tại phiên tòa. Một số Kiểm sát viên còn có tâm lý ngại tranh luận với luật sư, thái độ thiếu bình tĩnh, tự tin, xử lý tình huống phát sinh tại phiên tòa lúng túng hoặc né tránh các vấn đề, các tình tiết của vụ án cần tranh luận làm sáng tỏ tại phiên tòa.

Đội ngũ luật sư ở nước ta vừa thiếu về số lượng, một số còn hạn chế về trình độ nghiệp vụ, đặc biệt là kỹ năng tranh tụng nên chưa nhận thức đúng về vai trò, vị trí của mình là một bên trong tranh tụng, chưa bảo vệ có hiệu quả các quyền và lợi ích của công dân.

- Nguyên nhân về tổ chức công tác xét xử phúc thẩm.

a. Nguyên nhân khách quan

- Triển khai thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, các Tòa án nhân dân cấp cao được thành lập mới, có nhiệm vụ, thẩm quyền xem xét, giải quyết phần lớn số lượng vụ án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao, tuy nhiên số lượng thẩm phán, thẩm tra viên để bố trí cho Tòa án nhân dân cấp cao còn thiếu nhiều so với nhu cầu công việc (do yêu cầu của việc thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về không tăng tổng số biên chế hiện có). Đây là nguyên nhân chính làm cho tỷ lệ giải quyết án phúc thẩm hình sự của Tòa án nhân dân cấp cao đạt tỷ lệ thấp so với yêu cầu đặt ra.

- Do số lượng các vụ việc Tòa án các cấp phải giải quyết, xét xử trong những năm gần đây gia tăng về số lượng, tính chất ngày càng phức tạp dẫn đến việc gia tăng về số lượng án phúc thẩm của Tòa án.

- Do một số quy định của pháp luật chưa đầy đủ hoặc có những quy định không rõ ràng thậm chí còn chồng chéo nhau mà chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung, giải thích, hướng dẫn nên còn có những nhận thức khác nhau. Đồng thời, trình độ hiểu biết pháp luật của một số đương sự còn hạn chế nên nhiều trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã kết luận vụ việc được giải quyết đúng pháp luật; đã đối thoại, giải thích và trả lời nhiều lần, nhưng đương sự vẫn không đồng ý, tiếp tục gửi đơn kháng cáo có tính chất cầu may cho nên số đơn kháng cáo không giảm, có một số trường hợp đã trả lời rồi vẫn tiếp tục đề nghị.

b. Nguyên nhân chủ quan

- Đội ngũ cán bộ làm công tác giải quyết án phúc thẩm chưa đáp ứng cả về số lượng và chất lượng. Một số thẩm tra viên, thẩm phán làm việc với tinh thần trách nhiệm chưa cao nên chất lượng và hiệu quả công tác còn có những hạn chế.

- Việc cải tiến, đề ra những giải pháp mang tính đột phá để nâng cao hiệu quả công tác giải quyết án phúc thẩm tiến hành còn chậm.

- Việc kiểm tra, đôn đốc công tác xét xử phúc thẩm vụ án hình sự có nơi chưa thường xuyên nên chưa phát hiện những yếu kém, thiếu sót trong công tác này để có biện pháp chấn chỉnh và khắc phục kịp thời. Trong một số trường hợp chưa tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết kịp thời.

- Nguyên nhân về bảo đảm cơ sở vật chất.

Điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho công tác của Thẩm phán còn chưa đầy đủ; hoạt động xét xử do đó cũng bị ảnh hưởng nhất định. Nhiều phiên tòa được diễn ra trong cùng một phòng xử án dẫn đến tình trạng không đủ chỗ ngồi cho người tham gia phiên tòa, ngột ngạt và mất trật tự phiên tòa, chất lượng âm thanh kém không thể nghe rõ HĐXX cũng như KSV nói. Trang thiết bị phục vụ cho công tác nghiên cứu và tìm kiếm chứng cứ của vụ án chưa được Nhà nước trang bị làm cho các Thẩm phán gặp không ít khó khăn trong việc tìm ra sự thật khách quan của vụ án. Công tác theo dõi hồ sơ, số liệu lưu trữ và việc tìm kiếm chứng cứ vụ án được thực hiện theo phương pháp thủ công, không đáp ứng được yêu cầu của công việc ngày càng đa dạng, phức tạp, tinh vi và hiện đại. Các hạn chế trên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng của các phiên tòa nói chung, phiên tòa phúc thẩm hình sự nói riêng.

Kết luận chương 2

Trong chương 2, luận văn đánh giá thực tiễn áp dụng những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh. Đồng thời qua đó luận văn cũng đã phân tích những bất cập và hạn chế cũng như đưa ra những nguyên nhân dẫn đến bất cập và hạn chế đó như nguyên nhân về pháp luật và hướng dẫn thực hiện pháp luật; Nguyên nhân về con người; Nguyên nhân về tổ chức công tác xét xử phúc thẩm và nguyên nhân về bảo đảm cơ sở vật chất. Để từ đó có hướng hoàn thiện nâng chất lượng các phiên tòa hình sự phúc thẩm nói chung và phiên tòa phúc thẩm ở Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh nói riêng tại chương 3.

Chương 3

YÊU CẦU VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHIÊN TÒA PHÚC THẨM HÌNH SỰ

3.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng phiên tòa phúc thẩm hình sự.

3.1.1. Yêu cầu thực hiện hai cấp xét xử.

Nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử được quy định tại Khoản 6 Điều 103 Hiến pháp 2013 và được cụ thể hóa trong BLTTHS 2015 tại Điều 27 Nguyên tắc “Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được đảm bảo”.

Nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự là tư tưởng chủ đạo, có tính bắt buộc chung, thể hiện quan điểm có tính định hướng của Nhà nước trong việc tổ chức tố tụng để xét xử các vụ án hình sự, được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự, trong đó xác định một vụ án hình sự được xét xử lần đầu ở cấp sơ thẩm (cấp xét xử thứ nhất) có thể được xét xử lại và chỉ có thể được xét xử lại một lần nữa ở cấp phúc thẩm (cấp xét xử thứ hai) nếu có kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, nhằm giải quyết đúng đắn, kịp thời vụ án, bảo đảm lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Việc thực hiện chế độ hai cấp xét xử có ý nghĩa như sau:

1. Ý nghĩa pháp lý.

Việc quy định một vụ án hình sự có thể được xét xử qua hai cấp là một bảo đảm pháp lý cần thiết cho việc xét xử của Tòa án được chính xác và đúng đắn. Bởi vì qua hai cấp xét xử như vậy những vấn đề thuộc nội dung vụ án sẽ một lần nữa được xem xét, phân tích, đánh giá kỹ càng, đầy đủ hơn. Trên cơ sở đó, các phán quyết của Tòa án đưa ra đảm bảo độ chính xác cao hơn. Việc quy định và thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Viện kiểm sát, bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền và lợi ích liên quan đến vụ án thể hiện thái độ không đồng tình với việc xét xử của Tòa án theo quy định của pháp luật TTHS để vụ án được xét xử lại ở cấp phúc thẩm. Thông qua đó, chủ thể của quyền kháng cáo, kháng nghị có thể bảo vệ quyền, lợi ích của mình và trong nhiều trường hợp lợi ích của Nhà nước và xã hội cũng được đảm bảo.

Việc quy định về nguyên tắc hai cấp xét xử cũng như quy định về việc bản án, quyết định sơ thẩm có thể bị sửa, bị hủy tại cấp phúc thẩm sẽ kịp thời sửa chữa những sai lầm hoặc các hành vi vi phạm pháp luật mà cấp sơ thẩm mắc phải, góp phần nâng cao trách nhiệm của HĐXX sơ thẩm, giúp họ có thái độ thận trọng và có trách nhiệm hơn trước khi đưa ra phán quyết của mình. Thông qua hoạt động xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm kịp thời chỉ ra những sai lầm, thiếu sót mà Tòa án cấp sơ thẩm đã mắc phải, tự mình sửa chữa sai lầm, khắc phục thiếu sót hay đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa những sai lầm của mình. Đây cũng chính là một hình thức hướng dẫn áp dụng pháp luật có hiệu quả to lớn giữa Tòa án cấp phúc thẩm với Tòa án cấp sơ thẩm, nhờ đó mà chất lượng xét xử tại các cấp ngày càng được nâng cao.

Việc xét xử lại vụ án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử sẽ giúp tìm ra nguyên nhân dẫn đến sai lầm hay những vi phạm pháp luật trong việc áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và tòa án nói riêng. Từ đó, giúp tìm ra các giải pháp thích hợp để sửa chữa, khắc phục về lập pháp cũng như về hướng dẫn áp dụng pháp luật, tổ chức các cơ quan tiến hành tố tụng nhất là hoàn thiện tổ chức Tòa án, đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc hai cấp xét xử và yêu cầu cải cách tư pháp.

2. Ý nghĩa chính trị, xã hội

- Ý nghĩa chính trị.

Việc quy định và thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS đáp ứng các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền đối với việc bảo đảm các quyền và lợi ích chính đáng của công dân, đảm bảo dân chủ, đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, áp dụng đúng pháp luật, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội là sự thể hiện nhận thức khoa học về hoạt động xét xử của Tòa án phù hợp với nguyên lý của Chủ nghĩa Mác – Lênin về nhận thức thế giới. Đó là nhận thức luôn có sự vận động và phát triển, không phải trong mọi trường hợp nhận thức của con người về một sự vật hiện tượng đã đúng đắn ngay từ lần nhận thức đầu tiên. Việc quy định một vụ án hình sự có thể được xét xử ở hai cấp xét xử khác nhau là phù hợp với quy luật của nhận thức nhằm đảm bảo tính đúng đắn, khách quan của hoạt động xét xử.

Quy định nguyên tắc hai cấp xét xử thể hiện thái độ thận trọng của Nhà nước trong việc đưa ra các phán xét về số phận pháp lý, sinh mạng chính trị, quyền lợi của người đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự và những người có liên quan là sự thể hiện rõ ràng nhất bản chất của Nhà nước pháp quyền Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trong đó, vấn đề tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng và hợp pháp của công dân là một nội dung quan trọng của Nhà nước pháp quyền. Tòa án với nhiệm vụ thực hiện quyền tư pháp của nhà nước trong phạm vi hoạt động của mình phải xét xử đúng người, đúng tội, áp dụng đúng pháp luật, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. “Hơn bất kỳ một hoạt động nào của Nhà nước, hoạt động xét xử phản ánh trực tiếp và sâu sắc bản chất của Nhà nước, sai lầm của Tòa án trong việc giải quyết các vụ án chính là sai lầm của Nhà nước. Vì thế, đòi hỏi xét xử phải chính xác, công minh, thể hiện được ý chí, nguyện vọng của nhân dân”. Đây cũng là một hình thức thực hiện pháp luật có hiệu quả chức năng giám đốc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới.

Việc quy định và thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS thể hiện sự tôn trọng và đảm bảo thực hiện một cách có hiệu quả các quyền con người trong lĩnh vực tư pháp, một lĩnh vực mà từ xưa đến nay bất kỳ một quốc gia nào cũng phải thực hiện là vô cùng quan trọng. Việc quy định và thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS cũng tạo điều kiện để các chủ thể tham gia tố tụng có thể trực tiếp bảo vệ quyền lợi của mình nhiều lần tại các phiên tòa xét xử khác nhau. Đồng thời với việc đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng, việc xét xử ở hai cấp cũng giúp họ nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong vụ án để có thái độ hợp tác tích cực với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của mình. Việc quy định nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS với nội dung cơ bản là một vụ án hình sự có thể được xét xử và chỉ có thể xét xử ở hai cấp là cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, giúp tránh được tình trạng vụ án bị xử ở quá nhiều cấp làm cho quá trình tố tụng kéo dài ảnh hưởng tới hiệu lực của bản án, quyết định nhất là các bản án quyết định đã có hiệu lực pháp luật

- Ý nghĩa xã hội.

Việc quy định và thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS góp phần rất lớn vào việc đảm bảo công bằng xã hội, nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức pháp luật và phòng ngừa tội phạm, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân vào hoạt động xét xử của Tòa án, nâng cao uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Tòa án nói riêng. Bởi lẽ, việc xét xử phải nhắm đến mục đích cao nhất là đúng người, đúng tội, áp dụng đúng pháp luật, tránh oan sai, đảm bảo quyền bình đẳng của mọi công dân trong TTHS. Do vậy, sẽ là không công bằng nếu như tước bỏ quyền được bảo vệ quyền và lợi ích của bị cáo, người tham gia tố tụng có quyền và lợi ích pháp lý liên quan đến vụ án một lần nữa tại một phiên tòa xét xử khác, nếu như chưa thể có các điều kiện thực tế để khẳng định hay bảo đảm rằng phán quyết của lần xét xử đầu tiên là hoàn toàn chính xác. Với việc quy định và thực hiện nguyên tắc xét xử công khai ở cả cấp sơ thẩm và cấp xét xử phúc thẩm, người dân có điều kiện biết rõ về hoạt động xét xử. Mặt khác, khi biết được kết quả xét xử phúc thẩm, thấy được sự đánh giá về tính đúng đắn hay không đúng đắn của cấp xét xử sơ thẩm, người dân mới thực hiện triệt để quyền giám sát hoạt động xét xử của Tòa án các cấp. Trên cơ sở đó mới có thái độ chính xác nhất về tính khách quan của hoạt động này trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, lợi ích chung của xã hội, cộng đồng và lợi ích của Nhà nước.

3.1.2. Yêu cầu bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người.

Điều 102 Hiến pháp 2013 đã quy định Tòa án là cơ quan xét xử của nhà nước XHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp; TAND có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Như vậy, nhiệm vụ “bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân” đã được đưa lên thành nhiệm vụ hàng đầu của Tòa án. Theo đó, quyền tự do của nhân dân, hạnh phúc của con người là mục đích của quyền lực Nhà nước, bao gồm cả quyền tư pháp.

Khi thực hiện nhiệm vụ xét xử vụ án hình sự, Tòa án có quyền: Xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; Xem xét việc áp dụng, thay

đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; Đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; nhằm xét xử đúng người, đúng tội, không bị oan sai - đó là điều cơ bản cốt yếu nhất để bảo vệ quyền con người của các bị can, bị cáo.

Theo PGS.TS Trần Văn Độ, trong xét xử các vụ án hình sự, Tòa án cần đảm bảo các nguyên tắc: không làm oan người không có tội phải đi liền với không để lọt tội phạm; nhiệm vụ phát hiện xử lý tội phạm phải đi liền với việc bảo đảm quyền con người. Hoạt động tố tụng hình sự phải được thực hiện trên cơ sở coi trọng các yếu tố đó; bỏ qua hoặc coi nhẹ yếu tố này hay yếu tố khác nói trên đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đạt được mục đích tố tụng. Nếu muốn chứng minh tội phạm, xử lý tội phạm bằng bất cứ giá nào thì dễ dẫn đến vi phạm quyền con người; ngược lại nếu quá chú ý đến việc bảo đảm quyền con người thái quá mà không mạnh dạn áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng để phát hiện, chứng minh tội phạm thì sẽ làm cho hoạt động tố tụng thiếu hiệu quả, không thể phát hiện, xử lý kịp thời người phạm tội, thậm chí bỏ lọt tội phạm.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, Khoản 2, Điều 103 của Hiến pháp 2013 quy định: “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm” [17, Điều 103, tr.23], đây là nguyên tắc phổ quát trên thế giới, phù hợp với các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Việc “nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”, có nghĩa là những quyết định, bản án được ban hành mà có sự can thiệp là vi hiến và vô hiệu, như vậy quyền hạn và tính độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm được tăng lên.

Việc bảo vệ quyền con người bằng Tòa án kết thúc bằng hoạt động xét xử của Tòa án, chính vì vậy vai trò của Tòa án và Thẩm phán hết sức quan trọng. Các hoạt động điều tra, truy tố đóng vai trò chuẩn bị, tạo cơ sở cho hoạt động của Tòa án. Trong tố tụng hình sự, giai đoạn xét xử của Tòa án luôn đóng vai trò trung tâm. Để đảm bảo cho Tòa án thực hiện đúng chức năng, vai trò của mình, Bộ luật TTHS 2015 cũng đã quy định cụ thể về thẩm quyền của Tòa án, các quyền nghĩa vụ trong hoạt động tố tụng của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng khác. Cơ chế

hoạt động của Tòa án luôn đảm bảo tính độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân.

3.1.3. Yêu cầu đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích, đánh giá thực tiễn tình hình tội phạm, tình hình thụ lý, xét xử các vụ án hình sự nước ta mà có các biện pháp thích hợp để phòng, chống tội phạm, giải quyết các vụ án phức tạp một cách khách quan, công minh, rõ ràng, không để vụ án tồn đọng quá nhiều, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, yêu cầu đề ra như sau:

- Hoàn thiện chính sách pháp luật về hình sự theo hướng nhân đạo theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Xây dựng các thủ tục để kịp thời đưa quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 khi Luật sửa đổi một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 được Quốc hội thông qua. Sửa đổi Luật đặc xá, Luật thi hành án hình sự để phù hợp với chính sách hình sự mới trong Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xây dựng cơ chế phù hợp để huy động sự tham gia của cộng đồng, các cơ quan, tổ chức vào công tác chăm sóc, giáo dục người dưới 18 tuổi có hoàn cảnh khó khăn.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là giáo dục về đạo đức, lối sống, chính sách pháp luật. Thường xuyên cải tiến hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trách nhiệm của nhân dân về phòng, chống tội phạm: Kết hợp nhiều hình thức tuyên truyền, vừa rộng rãi, vừa mở đợt tập trung, vừa tuyên truyền cá biệt; tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc họp của tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị, trường học, tổ dân phố, cụm dân cư. Chú trọng hình thức tuyên truyền, vận động cá biệt đối với các đối tượng có nguy cơ phạm tội, tái phạm và tại các địa bàn trọng điểm về trật tự, an toàn xã hội.

3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng phiên tòa phúc thẩm hình sự.

3.2.1. Quán triệt thực hiện pháp luật tố tụng hình sự.

Từ ngày 01/01/2018, Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH15 sẽ chính thức có hiệu lực thi hành. Đây là đạo luật có vai trò, ý nghĩa quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tiếp tục thể chế hóa những chủ trương, quan điểm của Đảng và nhà nước về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và các quy định trong Hiến pháp năm 2013. Bộ luật trên đã có nhiều đổi mới về nhận thức, tư duy pháp lý trong việc bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia, điều chỉnh trực tiếp các quan hệ xã hội liên quan đến các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; hoàn thiện cơ chế điều chỉnh các quan hệ dân sự về nhân thân, tài sản của cá nhân, pháp nhân, giải quyết các vụ việc dân sự; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức liên quan cũng như chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thực thi pháp luật.

Bộ luật trên có hiệu lực thi hành sẽ góp phần quan trọng trong việc khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập của Bộ luật hiện hành, đồng thời phân định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, tổ chức trong hoạt động tố tụng. Sửa đổi, bổ sung những chế định chưa phù hợp với điều kiện hiện nay góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật đối với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng...

Để Bộ luật TTHS 2015 được triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả trên cả nước:

Các Bộ và ban ngành các cấp từ trung ương đến địa phương cần tăng cường chỉ đạo, quán triệt, phổ biến nội dung các kế hoạch và nội dung Bộ luật đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cơ quan đơn vị mình và nhân dân. Trong đó, đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kịp thời ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành Bộ luật TTHS 2015 của bộ, ngành, địa phương mình.

Quán triệt đến Thủ trưởng các đơn vị có liên quan về nội dung Kế hoạch, đồng thời yêu cầu phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Vụ Pháp chế, Ban Pháp chế (đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) và Sở Tư pháp (đối với

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Các Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc và thường xuyên kiểm tra các cơ quan có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, đất đai, lao động, ngân hàng trong việc chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành BLTTHS 2015 thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được giao.

Tăng cường công tác quản lý đối với công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nói chung, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các ban ngành, địa phương trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Nội dung, hình thức tuyên truyền cần phải phong phú, đa dạng, lựa chọn những nội dung cốt lõi, những điểm mới có sửa đổi, bổ sung; đẩy mạnh và phát huy những hình thức, biện pháp tuyên truyền mang lại hiệu quả cao như tổ chức hội nghị, thi tìm hiểu pháp luật, qua các phương tiện thông tin đại chúng...

Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN) các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận tích cực phối hợp tuyên truyền, phổ biến nội dung Bộ luật và tăng cường công tác giám sát việc triển khai và phối hợp kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện các kế hoạch và vận động các tầng lớp nhân dân tự giác thực hiện pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và tố tụng dân sự.

Quá trình thực hiện triển khai, thi hành cần phải gắn với tổ chức thực hiện Hiến pháp, pháp luật, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, giáo dục văn hóa và các phong trào thi đua yêu nước, nhằm đảm bảo mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước được phổ biến kịp thời, đầy đủ đến tận cán bộ, đảng viên, người lao động và tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân.

3.2.2. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật và tăng cường hướng dẫn các quy định của pháp luật hình sự.

Thứ nhất, sửa đổi trình tự xét hỏi.

Trình tự xét hỏi quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự hiện nay là chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự.

Để đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay theo hướng trách nhiệm buộc tội thuộc về VKS nên cần sửa đổi Điều 307 cho phù hợp theo hướng KSV (bên buộc tội) tiến hành hỏi trước, sau đó đến luật sư, người bảo vệ quyền, lợi ích của bị cáo (bên gỡ tội). Chủ tọa phiên tòa giữ vai trò điều hành phiên tòa để các chủ thể tiến hành việc xét hỏi và đối đáp, HĐXX sẽ tiến hành xét hỏi sau cùng để khẳng định nội dung vụ án, bổ sung các tình tiết cần thiết nhằm phục vụ cho việc ra phán quyết.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Thứ ba, tăng cường hoạt động giải thích luật, pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng BLHS, BLTTHS để việc thực hiện, áp dụng pháp luật hình sự được thống nhất từ trung ương tới địa phương.

Thứ tư, phát triển hệ thống thông tin và phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng và triển khai Chương trình Quốc gia về phổ biến giáo dục pháp luật dài hạn. Hình thành Trung tâm Thông tin pháp luật quốc gia, phát triển mạng lưới thông tin pháp luật. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển dịch vụ thông tin, tư vấn, hỗ trợ pháp luật đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nhân dân và phù hợp với pháp luật. Đẩy mạnh hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo và các đối tượng chính sách theo hướng xã hội hoá. Tăng cường trao đổi thông tin pháp luật với các tổ chức quốc tế và các quốc gia, trước hết là với các quốc gia thành viên ASEAN.

3.2.3. Nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ Thẩm phán.

Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm vì nó liên quan trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của việc tổ chức thực hiện phiên tòa xét xử hình sự. Trước hết cần xây dựng tiêu chuẩn của Thẩm phán cho phù hợp và khoa học, các tiêu chuẩn này phải thể hiện năng lực trên nhiều mặt (trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng điều khiển phiên tòa, tác phong, ngôn phong, phẩm chất đạo đức, trình độ tin học, ngoại ngữ...) và phải có sự phân hóa đối với từng cấp, từng vị trí công việc cụ thể. Cần tiến hành rà soát lại đội ngũ cán bộ Tòa án, đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định, xác định những mặt mạnh và những mặt hạn chế để xây dựng chiến lược quy hoạch cán bộ Tòa án từ nay đến 2020. Đối với những trường hợp nào không còn đủ tiêu chuẩn cần kiên quyết cho đi đào tạo lại hoặc bố trí công việc khác phù hợp với khả năng, chuyên môn. Cùng với việc đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, cần chú trọng việc bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, các kiến thức xã hội, khả năng sử dụng các kỹ thuật tiên tiến và kỹ năng thực hiện công tác dân vận cho đội ngũ cán bộ Tòa án, đặc biệt là Thẩm phán ở cấp quận, huyện. Nghiên cứu tới thực hiện việc thi sát hạch trước khi bổ nhiệm Thẩm phán từ sơ cấp đến cao cấp. Nghiên cứu thủ tục bổ nhiệm theo hướng gọn, kịp thời, bảo đảm dân chủ, công khai nhằm xây dựng một đội ngũ Thẩm phán giỏi về nghiệp vụ chuyên môn, trong sáng về phẩm chất đạo đức, đáp ứng sự mong mỏi của nhân dân.

3.2.4. Cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các Tòa án.

Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật tiên bộ, hiện đại đồng bộ trong phòng xét xử nói riêng và trụ sở Tòa án nói chung nhằm đáp ứng cho việc tổ chức phiên tòa được tốt, cụ thể như: âm thanh, ánh sáng trong phòng xử phải đạt chuẩn để những người đi tham dự phiên tòa cũng như bản thân bị cáo, người tham gia tố tụng khác nghe rõ, theo dõi được diễn biến của phiên tòa. Đối với những phòng xử án lớn, xử những án trọng điểm cần có màn hình Led chiếu ra ngoài để mọi người quan tâm tiện theo dõi. Phòng xử phải có diện tích, bàn ghế phù hợp quy cách, đảm bảo chất lượng... Tăng cường công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án.

Kết luận chương 3

Chương 3 của luận văn đã nêu và phân tích những yêu cầu chẳng hạn như: Yêu cầu thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử; Yêu cầu bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người; Yêu cầu đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Thông qua đó đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phiên tòa phúc thẩm hình sự bao gồm: thứ nhất, quán triệt thực hiện pháp luật tố tụng hình sự; Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện và tăng cường hướng dẫn các quy định của pháp luật hình sự; Thứ ba, nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ Thẩm phán và cuối cùng là cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các Tòa án.

Bên cạnh đó xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, nâng cao trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng đảm bảo tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử hình sự phúc thẩm như Nghị quyết số 49-NQ/TW ban hành ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị đã nêu.

KẾT LUẬN

Mục tiêu của Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 mà Nghị quyết số 49NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị đã đề ra là: “*Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao*”. Tòa án được xác định là khâu trung tâm trong quá trình cải cách, xét xử là khâu trọng tâm của toàn bộ hoạt động tư pháp. Bởi vì hiệu quả của hoạt động tư pháp thể hiện như thế nào, có hiệu quả hay không, có đảm bảo mục tiêu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã giao cho hay không đều thông qua hoạt động xét xử của Tòa án. Một bản án đúng là bản án phải tuyên đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, hợp với lòng dân và phải tuân theo những trình tự thủ tục về tố tụng do pháp luật quy định.

Phiên tòa chính là “hình thức hoạt động xét xử của Tòa án”. Phiên tòa hình sự phúc thẩm là hình thức hoạt động xét xử của tòa án phát sinh trên cơ sở kháng cáo, kháng nghị hợp pháp. Phiên tòa hình sự phúc thẩm phải tiến hành theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, có sự tham gia của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, VKS nhân dân với tư cách là cơ quan nhân danh nhà nước thực hiện quyền công tố và kiểm sát việc xét xử của Tòa án tại phiên tòa.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì những hạn chế, bất cập trong tổ chức phiên tòa xét xử phúc thẩm hình sự xuất phát từ một số nguyên nhân như: Nguyên nhân về pháp luật và hướng dẫn thực hiện pháp luật; Nguyên nhân về con người; nguyên nhân về tổ chức công tác xét xử phúc thẩm; Nguyên nhân về bảo đảm cơ sở vật chất.

Để khắc phục những hạn chế, bất cập trong tổ chức phiên tòa phúc thẩm, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp của đất nước trong bối cảnh hiện nay, chúng ta cần phải thực hiện đồng bộ về hoàn thiện pháp luật hình sự và tố tụng hình sự theo hướng quy định lại trình tự xét hỏi, nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ Thẩm phán, cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị cho Tòa án... là một hướng đi đúng

đầu, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước và phù hợp với trào lưu pháp lý
tổ tụng hình sự trên thế giới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp – Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
2. Trần Duy Bình (2012), *Thực tiễn và một số kiến nghị nhằm đảm bảo thực hiện nguyên tắc “Khi xét xử, Thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 11), tr. 14-18.
3. Phạm Văn Cảnh (2015), *Thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự trên cơ sở số liệu tại địa bàn tỉnh Đắk Nông*, Đại học quốc gia Hà Nội.
4. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết 08 NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
5. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49 NQ/TW ngày 02/6/2005 Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Trần Văn Độ (2004), *“Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa”*, Tạp chí khoa học pháp lý (số 4), tr.17-22, Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.
7. Trần Văn Độ (2004), *Một số hoạt động tư pháp và kiểm soát hoạt động tư pháp ở nước ta hiện nay*, tạp chí Luật học (số 2), tr.24-31.
8. Trần Văn Độ (2004), *Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân*, tạp chí Nhà nước và pháp luật (số 187), tr.10-16.
9. Học viện tư pháp (2012), *Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự*, Nxb Công an nhân dân.
10. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Nghị quyết 05/2005/NQ-HĐTP ngày 8/12/2005*, Hà Nội.
11. Phùng Thị Thu Hường (2014), *Thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hình sự trên cơ sở số liệu tại địa bàn tỉnh Phú Thọ*, Đại học quốc gia Hà Nội.
12. Đinh Văn Quế (2000), *Thủ tục xét xử phúc thẩm trong Luật TTHS Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
13. Đinh Văn Quế (2007), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

14. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
15. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
16. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014 ngày 24/11/2014*, Hà Nội.
17. Quốc Hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
18. Trường đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân.
19. Trường đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh (2016), *Giáo trình luật hình sự- Phần chung*, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
20. Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
21. Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (2016), *bản án số 78/2016/HSPT Ngày 25/02/2016*, Tp. Hồ Chí Minh.
22. Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (2016), *bản án số 208/2016/HSPT Ngày 20/5/2016*, Tp. Hồ Chí Minh.
23. Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (2013), *Báo cáo tổng kết công tác ngành năm 2013*, Tp. Hồ Chí Minh.
24. Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (2014), *Báo cáo tổng kết công tác ngành năm 2014*, Tp. Hồ Chí Minh
25. Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo tổng kết công tác ngành năm 2015*, Tp. Hồ Chí Minh
26. Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo tổng kết công tác ngành năm 2016*, Tp. Hồ Chí Minh
27. Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (2013), *Báo cáo tổng kết công tác ngành năm 2017*, Tp. Hồ Chí Minh.
28. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2011), *Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân ngày 19/02/2011*, Hà Nội.

29. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2008), *Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự*, Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐVKSTC ngày 02/01/2008, Hà Nội.

30. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, *Bộ luật tố tụng Hình sự Nhật Bản – Bộ luật dịch phục vụ cho việc xây dựng BLTTHS 2015*, Hà Nội.

31. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, *Bộ luật tố tụng Hình sự Trung Quốc – Bộ luật dịch phục vụ cho việc xây dựng BLTTHS 2015*, Hà Nội.

32. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học BLTTHS*, Nhà xuất bản công an nhân dân.

33. Trần Duy Bình, *Thực trạng và một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hành sự theo tinh thần cải cách tư pháp*, <http://hvta.toaan.gov.vn>, ngày 17/10/2011.

34. Ban nội chính Trung ương, *Hội thảo quốc tế so sánh mô hình tố tụng Việt Nam và Nhật Bản*, <http://infonet.vn/hoi-thao-quoc-te-so-sanh-mo-hinh-to-tung-hinh-su-viet-nam-nhat-ban-post96849.info>, ngày 06/9/2013.

35. Nguyễn Văn Chung, *Một số vướng mắc, bất cập của Bộ luật TTHS 2015*, <http://toaandaklak.gov.vn/trao-doi-nghiep-vu/mot-so-vuong-mac-bat-cap-cua-bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-2015-154.html>, ngày 18/01/2017.

36. Đinh Thế Hưng, *Tòa án bảo vệ quyền con người trên tinh thần Hiến pháp 2013*, <http://congly.vn/hoat-dong-toa-an/nghiep-vu/toa-an-bao-ve-quyen-con-nguoi-theo-tinh-than-hien-phap-2013-172956.html>, ngày 13/9/2016.

37. Nguyễn Đức Mai, *Những bất cập, vướng mắc và tồn tại trong thực tiễn tranh tụng tại phiên tòa ở nước ta*, <http://toaandaklak.gov.vn/trao-doi-nghiep-vu/mot-so-vuong-mac-bat-cap-cua-bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-2015-154.html>, ngày 23/11/2016.

38. Trường đại học Kiểm sát Hà Nội, *Mô hình tố tụng Trung Quốc*, <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/142>, ngày 18/4/2013.

39. Lê Văn Quyển, *Nâng cao chất lượng tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự - Nhìn từ góc độ cải cách tư pháp*, <http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=211>, ngày 26/4/2016.